

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán DSC
Đồng hành cùng thành công



DSC

Mục lục

1

Thông Tin Nổi Bật

- 1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT.
- 1.2. Ấn tượng năm 2022.

2

Tổng Quan Công Ty

- 2.1. Giới thiệu chung.
- 2.2. Thông tin cơ cấu cổ đông.
- 2.3. Quá trình hình thành & phát triển.
- 2.4. Quá trình tăng vốn.
- 2.5. Lĩnh vực hoạt động.
- 2.7. Ban lãnh đạo.
- 2.8. Giới thiệu Ban Tổng giám đốc.
- 2.9. Giới thiệu Ban Kiểm soát.

3

Báo Cáo Hoạt Động Năm 2022

- 3.1. Tổng quan nền kinh tế & thị trường chứng khoán năm 2022
- 3.2. Báo cáo kết quả hoạt động

4

Chiến Lược Phát Triển

- 4.1. Triển vọng năm 2023: "RỒNG LIỆU CÓ VƯỢT MÂY".
- 4.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023.
- 4.3. Phát triển nguồn nhân lực.
- 4.4. Phát triển công nghệ.
- 4.5. Phát triển khách hàng (E-BROKING).
- 4.6. Chiến lược đầu tư thị trường vốn.

5

Quản Trị Doanh Nghiệp

- 5.1. Báo cáo của HĐQT.
- 5.2. Báo cáo của Ban kiểm soát.
- 5.3. Các giao dịch, thù lao & các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc & Ban kiểm soát.
- 5.4. Quan hệ nhà đầu tư.
- 5.5. Quản trị rủi ro.

6

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững

- 6.1. Mục tiêu phát triển bền vững
- 6.2. Báo cáo phát triển bền vững năm 2022

7

Báo Cáo Tài Chính Kiểm Toán

8

Thông Tin Liên Hệ

DSC
SECURITIES

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CHƯƠNG 1

Thông Tin

Nổi Bật

1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT.

1.2. Ấn tượng năm 2022.



Thông điệp của Chủ tịch HĐQT.

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2022 đối với DSC là một năm bản lề, chuẩn bị cho những bước đi xa hơn trong tương lai sau khi hoàn tất M&A. Trên cương vị chủ tịch Hội đồng Quản trị, tôi xin chia sẻ về kết quả hoạt động của DSC trong năm 2022 và những chiến lược kinh doanh trọng điểm trong năm 2023.

Việt Nam năm 2022 phản ánh nỗ lực của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế theo hướng thận trọng đáp ứng yêu cầu quản lý mới sau một giai đoạn tăng trưởng nóng. Các chính sách vĩ mô được cân nhắc, thực hiện theo chiều hướng giảm mạnh lượng tiền trong lưu thông. Điều này kéo theo hệ quả lãi suất tăng mạnh, tác động trực tiếp tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản. Thị trường chứng khoán cũng trải qua các cơn rung lắc mạnh khi đứng trước các điều chỉnh vĩ mô theo tính chất chu kỳ ở trên.

Trong bối cảnh như vậy, kết thúc năm 2022, DSC vẫn có sự phát triển mạnh mẽ của một công ty chứng khoán non trẻ, từng bước tạo vị thế và chỗ đứng, cạnh tranh sòng phẳng trên sân chơi tài chính cùng với các công ty chứng khoán bạn.

Về kết quả hoạt động năm 2022

Hầu hết các nỗ lực chúng tôi tập trung cho hoạt động kinh doanh môi giới khách hàng cá nhân, hoạt động mang lại nguồn thu nhập ổn định đều đặn cho hầu hết các công ty chứng khoán nói chung và DSC nói riêng. Chúng tôi đã hoàn tất thay Core giao dịch chứng khoán vào tháng 7/2022. Từ đó dư nợ cho vay tăng từ 200 tỷ vào đầu năm 2022 lên đến 1.000 tỷ vào thời điểm kết thúc năm 2022. Doanh thu môi giới cũng tăng gấp 5 lần so với đầu năm.

Chúng tôi đã xây dựng được kênh phân phối gồm 4 địa điểm giao dịch và hơn một trăm nhân viên môi giới toàn quốc.

Với quy mô này, chúng tôi có thể tăng trưởng gấp 3-5 lần trong những năm tới khi thị trường chứng khoán phục hồi vào năm 2024-2025. Tiếp đến là nỗ lực tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, DSC đã tái cấu trúc lại danh mục cho vay ký quỹ, giảm tỷ trọng cho vay cổ phiếu bất động sản, chuyển dịch mạnh mẽ cho vay các cổ phiếu ngân hàng với tỷ lệ cho vay phù hợp, an toàn và cạnh tranh cao.

Mặc dù cuối năm 2022, DSC đạt được 76% kế hoạch đề ra, tôi vẫn đánh giá tích cực về kết quả đạt được trong bối cảnh khó khăn của một công ty chứng khoán non trẻ mới tái cấu trúc vừa phải xây dựng nền tảng dài hạn vừa phải đảm bảo tăng trưởng và cạnh tranh mạnh mẽ.

Các chiến lược 2023

Năm 2023 là một năm chúng tôi tiếp tục củng cố nền tảng vận hành, tăng chất lượng trải nghiệm của khách hàng, tập trung cho việc phục vụ quy mô lớn hơn 3-5 lần hiện tại. Đồng thời 2023 cũng là năm chúng tôi sẽ có những sự chuyển biến mạnh mẽ qua các chiến lược:

1. Tăng trưởng mạnh mẽ hoạt động môi giới khách hàng cá nhân với việc tăng trưởng gấp đôi cả về dư nợ ký quỹ và phí giao dịch do DSC đã có nền tảng và sự chuẩn bị về nguồn lực tài chính, hạ tầng công nghệ thông tin được xây dựng từ năm 2022.

2. 2023 sẽ là năm chúng tôi dành nguồn lực vào Tư vấn tài chính doanh nghiệp, sẽ có thêm dòng doanh thu đáng kể cho DSC từ các thương vụ M&A.

3. Chúng tôi sẽ tập trung nguồn vốn vào hoạt động tự doanh cổ phiếu đang giao dịch/niêm yết khi thị trường biến động mạnh; sử dụng nguồn vốn để đầu tư vào các thương vụ M&A từ đó tạo dòng doanh thu dài hạn và dư địa mở rộng thị trường, kênh phân phối cho các sản phẩm và dịch vụ của DSC.



4. 2023 là năm chúng tôi kích hoạt dự án E-broking, kênh phân phối môi giới online, một chiến lược dài hạn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và xu thế cạnh tranh trong tương lai và tối ưu chi phí hoạt động.

Luôn chú trọng định hướng phát triển bền vững

Để đảm bảo cho DSC một tương lai bền vững, chúng tôi hiểu rằng cần hài hòa các lợi ích của các bên liên quan: Khách hàng, cổ đông, nhân viên và thị trường.

Với Cổ đông: Là công ty chứng khoán non trẻ, chúng tôi cần duy trì một tốc độ tăng trưởng cao trong 3-4 năm tới trong các lĩnh vực môi giới, tư vấn tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tài chính. Đồng thời đảm bảo yêu cầu quản trị rủi ro được xây dựng minh bạch, đồng bộ, nhất quán, số hóa, 100% các hoạt động kinh doanh và vận hành đều có quy trình và giám sát tuân thủ quy trình. DSC tiến tới các chỉ tiêu hiệu quả tiệm cận với các công ty chứng khoán top đầu trên thị trường.

Với Khách hàng: DSC hướng tới việc đem lại lợi ích tối đa, chỉ khi chúng tôi đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng chúng tôi mới có cơ hội phát triển bền vững trong tương lai. Lợi ích đó không chỉ đến từ phí, lãi, tư vấn đầu tư, rộng hơn đó là trải nghiệm của một hệ sinh thái các sản phẩm tài chính trên một nền tảng digital nhiều tiện ích có tính mở, thông minh, kết nối.

Với Nhân viên: DSC luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quý nhất của một công ty chứng khoán. Chúng tôi xây dựng nguồn nhân lực theo hướng chủ động, xây dựng một môi trường năng động, sáng tạo, dẫn thân, cống hiến. Các chính sách, phúc lợi minh bạch, công bằng dành cho nhân viên sẽ phản ánh các định hướng đó.

Với việc xây dựng thị trường: DSC luôn là thành viên có trách nhiệm, không chỉ nghiêm chỉnh tuân thủ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan hữu quan, DSC còn đóng góp vào xây dựng chính sách, sản phẩm, dịch vụ chung trong vai trò là một thành viên thị trường.

Năm 2023 được dự báo là một năm đầy khó khăn với nền kinh tế, các doanh nghiệp, thị trường chứng khoán nói chung và DSC nói riêng. Điều này đòi hỏi sự tập trung cao độ, sự nỗ lực cao nhất từ cá nhân tôi và toàn thể cán bộ nhân viên DSC. Tôi tin tưởng vào đội ngũ nhân sự chất lượng, trẻ trung, nhiệt huyết, mạnh mẽ làm việc với tinh thần dẫn thân, cống hiến, chúng tôi sẽ hoàn thành được các chiến lược đề ra trong một tầm nhìn dài hạn theo định hướng phát triển bền vững. Tôi nhìn thấy tương lai của DSC và tiếp tục cùng toàn thể cán bộ nhân viên đưa DSC lên một tầm cao mới trong 2023 và các năm tiếp theo mang lại lợi ích tối đa cho Khách hàng và Quý cổ đông.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong năm 2022 vừa qua và mong được sự ủng hộ của Quý cổ đông trong những năm kế tiếp.

KÍNH THƯ!

Chủ Tịch HĐQT
NGUYỄN ĐỨC ANH

Ấn tượng năm 2022.

DOANH THU HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: Tỷ đồng

GIÁ TRỊ TẠI 31/12/2022

167 TỶ VNĐ
▲ 199%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: Tỷ đồng

GIÁ TRỊ TẠI 31/12/2022

33 TỶ VNĐ
▲ 35%

HOẠT ĐỘNG CHO VAY MARGIN

Đơn vị: Tỷ đồng

GIÁ TRỊ TẠI 31/12/2022

929 TỶ VNĐ
▲ 206%

TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: Tỷ đồng

GIÁ TRỊ TẠI 31/12/2022

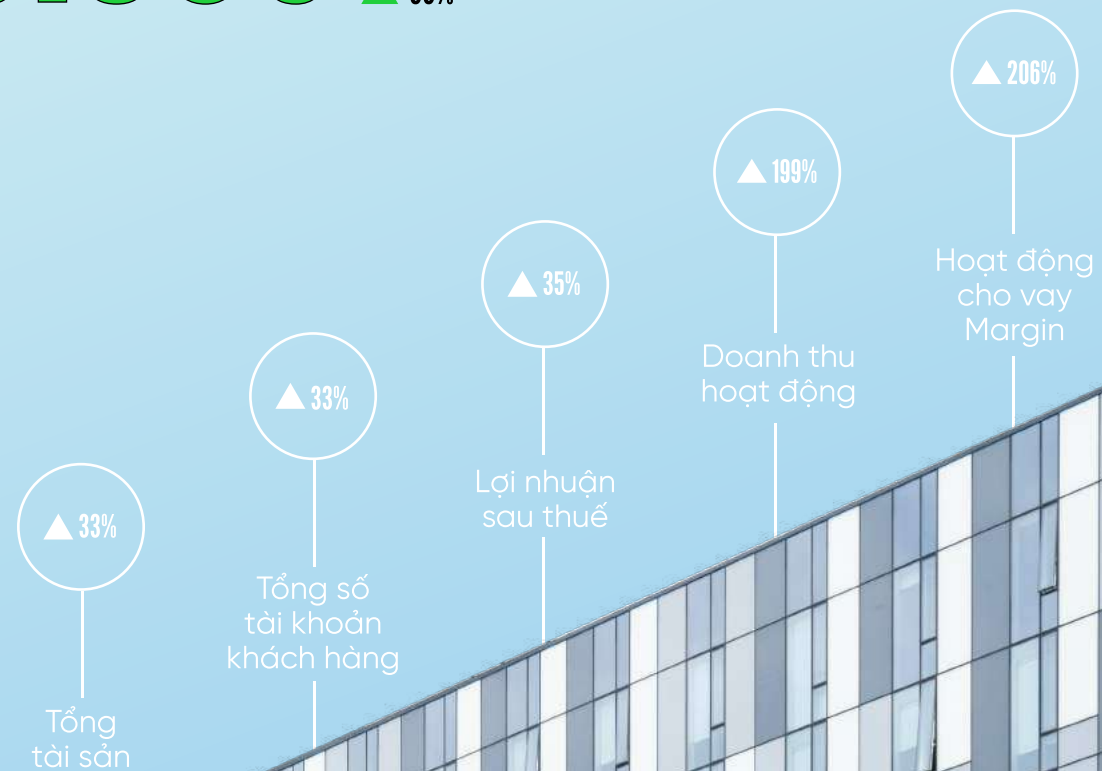
2.409 TỶ VNĐ
▲ 33%

TỔNG SỐ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

Đơn vị: Tỷ đồng

GIÁ TRỊ TẠI 31/12/2022

3.503 TỶ VNĐ
▲ 33%



CHƯƠNG 2

Tổng Quan Công Ty

- 2.1. Giới thiệu chung.
- 2.2. Thông tin cơ cấu cổ đông.
- 2.3. Quá trình hình thành & phát triển.
- 2.4. Quá trình tăng vốn.
- 2.5. Lĩnh vực hoạt động.
- 2.7. Ban lãnh đạo.
- 2.8. Giới thiệu Ban Tổng giám đốc.
- 2.9. Giới thiệu Ban Kiểm soát.



Giới thiệu chung.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (UPCOM: DSC) được thành lập từ tháng 06/2006, hiện có trụ sở tại Hà Nội và mức vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Sở hữu đội ngũ hơn 170 nhân sự giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư, DSC đã và đang tiếp tục mở rộng quy mô mạng lưới chi nhánh giao dịch và hoạt động kinh doanh trên toàn quốc. DSC hướng tới cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm và sản phẩm dịch vụ chất lượng, toàn diện, tối ưu hóa lợi ích khách hàng.

Tên doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
Tên viết tắt	DSC
Tên tiếng Anh	DSC Securities Corporation
Giấy phép hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 18/12/2006 và các Giấy phép điều chỉnh liên quan.
Mã số doanh nghiệp	0400554813
Mã chứng khoán (UPCOM)	DSC
Vốn điều lệ (tại 31/12/2022)	1.000.000.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu (tại 31/12/2022)	1.065.488.039.323 đồng
Trụ sở chính	Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
Website	www.dsc.com.vn
Điện thoại	+84 24 3880 3456 (Khu vực Miền Bắc-Hà Nội) +84 236 3888 588 (Khu vực Miền Trung-Đà Nẵng)
Fax	+84 24 37832189
Quy mô nhân viên (31/12/2022)	172 người
Logo	
Slogan	" Đồng hành cùng Thành Công "

Tầm nhìn

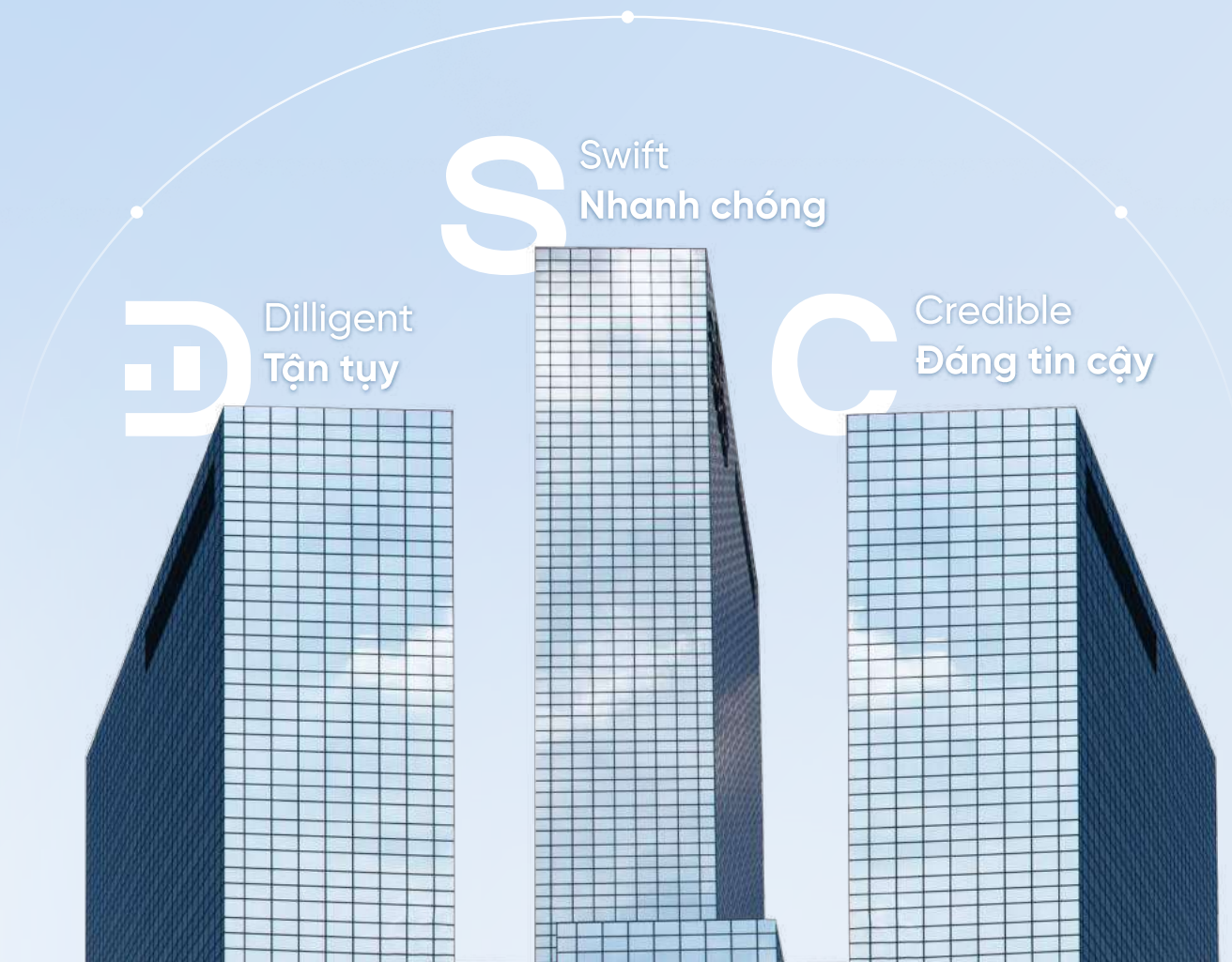
Trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thành công của DSC được tạo dựng từ niềm tin của khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng. DSC cam kết bằng trách nhiệm cao nhất của mình luôn đồng hành, hỗ trợ để cùng khách hàng hướng tới thành công.

Sứ mệnh

Mang lại sự thành công và thịnh vượng cho khách hàng. Với phương châm "Đồng hành cùng Thành Công", DSC mong muốn mang đến những tư vấn chuyên sâu, các giải pháp tài chính hiệu quả, cơ hội đầu tư đa dạng nhằm tối đa hóa lợi ích của khách hàng.

Giá trị cốt lõi

Chúng tôi luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu, lợi ích của khách hàng là lợi ích của chúng tôi. Với đội ngũ CBNV trẻ, chúng tôi tự tin trong việc thích ứng với xu hướng thị trường mới nhất và đầu tư, cung cấp nền tảng công nghệ hiện đại để nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Tại DSC, chúng tôi luôn khuyến khích và hỗ trợ khả năng sáng tạo để phát triển đội ngũ vì quyền lợi của DSC và khách hàng. Từng bước đóng góp, xây dựng thị trường vốn minh bạch để đồng hành cùng sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.



Thông tin cổ đông.

■ CỔ PHẦN:

Tổng số CP đang lưu hành	100.000.000 CỔ PHẦN
Tổng số CP hạn chế chuyển nhượng	0 CỔ PHẦN
Số CP quỹ	0 CỔ PHẦN
Các loại chứng khoán khác	KHÔNG CÓ

■ DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL
1	Công ty CP Đầu tư NTP	0109537681	Tầng 8, Thành Công Building, Số 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	70.000.000	70,00%
2	Văn Lê Hằng	012962721	26 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	10.025.000	10,025%

■ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	Cổ đông lớn			
	Cổ đông tổ chức	1	70.000.000	70.000
	Cổ đông cá nhân	1	10.025.000	10.025
2	Cổ đông khác			
	Cổ đông tổ chức	1	100	0.000
	Cổ đông cá nhân	607	19.974.900	19.975
3	Cổ đông nhà nước			
	<i>Không có</i>			
	Tổng	610	100.000.000	100.000
3.1	Cổ đông trong nước	608	998.800	99,9988
3.2	Cổ đông nước ngoài	2	1.200	0,0012

(Theo Danh sách cổ đông ngày 20/03/2023 do VSD cung cấp)

Quá trình hình thành và phát triển.

2006

Thành lập CTCP Chứng khoán Đà Nẵng (viết tắt: DNSC), là công ty chứng khoán đầu tiên tại Miền Trung Việt Nam được UBCK cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh. Số vốn điều lệ ban đầu của công ty là 22 tỷ đồng. Trụ sở ban đầu đặt tại Hải Châu, Đà Nẵng.

2007

DNSC được công nhận tư cách thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

2008

DNSC tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng.

2012

DNSC tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng.

2018

Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là DSC.

2021

Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC.

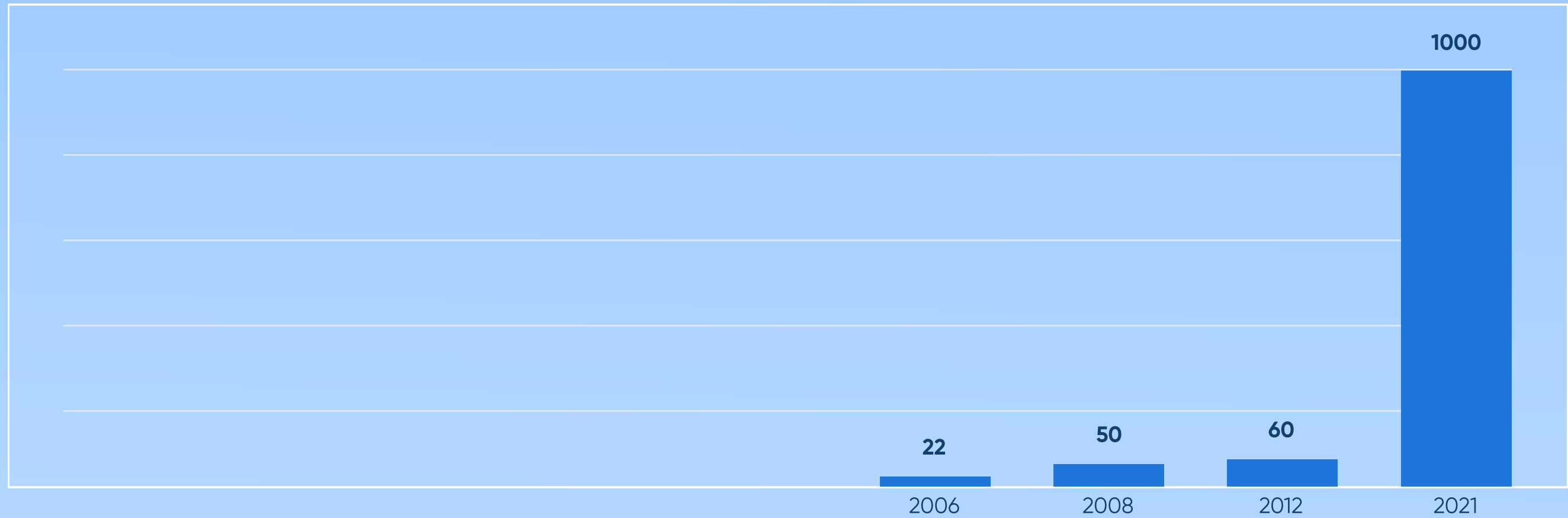
- Phát hành thành công 94 triệu cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
- Trụ sở chính của Công ty được chuyển tới địa chỉ Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Tự doanh Chứng khoán và Bảo lãnh phát hành.

2022

Mở rộng mạng lưới kinh doanh với 02 chi nhánh tại Miền Nam, miền Trung và 01 Phòng Giao dịch tại Hà Nội

Quá trình tăng vốn.

■ VĐL



STT	Thời điểm	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn điều lệ
Lần 1	12/2006	22.000.000.000	Góp vốn thành lập công ty
Lần 2	06/2008	50.000.000.000	Chào bán CP cho cổ đông hiện hữu và CBNV
Lần 3	05/2012	60.000.000.000	Chào bán CP riêng lẻ
Lần 4	09/2021	1.000.000.000.000	Chào bán CP riêng lẻ

Lĩnh vực hoạt động.

■ Theo Giấy phép hoạt động chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

■ Mạng lưới hoạt động:

MIỀN BẮC

Hội sở chính – Hà Nội
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

PGD Hàm Long -Hà Nội
14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

MIỀN TRUNG

Chi nhánh Đà Nẵng
157 Đồng Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

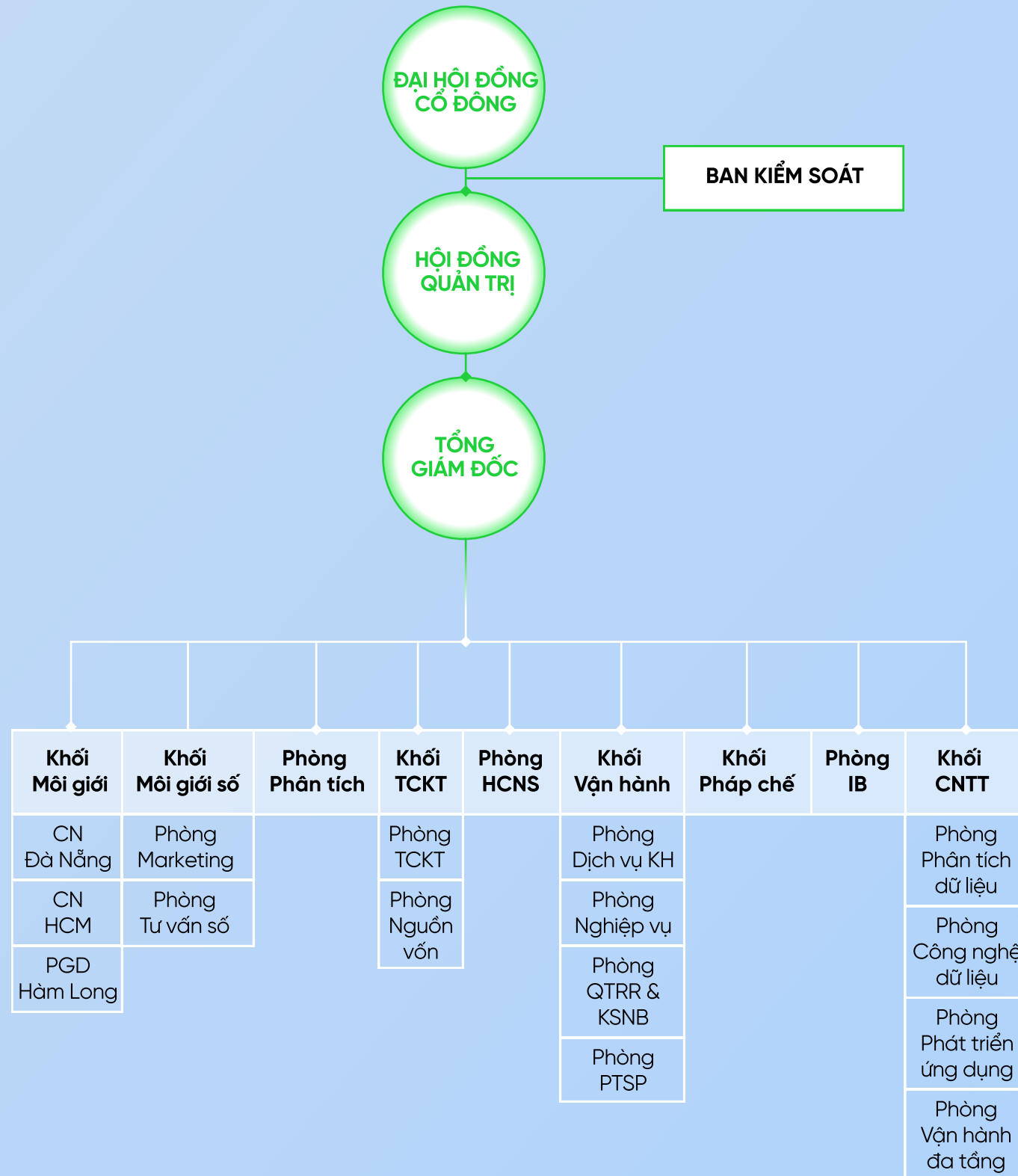
MIỀN NAM

Chi nhánh Hồ Chí Minh
14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

■ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) (Trừ Tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, pháp luật)	7020
2	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới chứng khoán; môi giới chứng khoán phái sinh (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	6612
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chứng khoán (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) (Trừ Thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng)	7490
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tự doanh chứng khoán phái sinh; bảo lãnh phát hành chứng khoán; Hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán; Dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình và khách hàng môi giới của mình (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) (Trừ Tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, pháp luật) Chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép	6619

Sơ đồ tổ chức và Bộ máy quản lý.



CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH:

1/ Chi nhánh Đà Nẵng

Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty có địa chỉ tại 157 Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng nhằm mục đích duy trì, phát triển khách hàng tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh thành khu vực Miền Trung Việt Nam. Ngày 01/03/2022, Chi nhánh Đà Nẵng chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hoạt động với nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

2/ Chi nhánh Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hồ Chí Minh của Công ty có địa chỉ tại 14 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích phát triển khách hàng tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khu vực Miền Nam Việt Nam. Ngày 31/11/2022 Chi nhánh Hồ Chí Minh chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hoạt động với nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

3/ Phòng giao dịch Hàm Long

Phòng Giao dịch Hàm Long có địa chỉ tại 14-16 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, nhằm mở rộng quy mô, tiếp cận khách hàng, tăng độ nhận diện với Khách hàng. Ngày 25/04/2022, Phòng Giao dịch Hàm Long chính thức được UBCKNN cấp giấy phép thành lập.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Ban Lãnh Đạo.



Ông NGUYỄN ĐỨC ANH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Thời điểm bổ nhiệm:

8/1/2021

Năm sinh: 1994

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:
1.499.900 CP tương đương chiếm 1,499 % VDL

Thành tựu nổi bật:

Ông Nguyễn Đức Anh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ năm 2021 đến nay. Đồng hành cùng DSC trong suốt thời gian qua, ông đã và đang có những đóng góp không nhỏ trong quá trình tái cấu trúc, những bước phát triển vượt bậc của Công ty.

Ông cũng là lãnh đạo trẻ đầu tiên xây dựng sự nghiệp và sự thành công tại DSC từ những ngày đầu M&A & tái cấu trúc Công ty.



Ông BẠCH QUỐC VINH

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Thời điểm bổ nhiệm:

16/03/2022

Năm sinh: 1975

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:
0 CP, chiếm tỷ lệ 0%

Thành tựu nổi bật:

Ông Bạch Quốc Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ trường Irvine University, Ông Vinh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bảo hiểm. Trong giai đoạn Ông Vinh công tác tại DSC, tình hình kinh doanh của Công ty đã có nhiều bước phát triển chuyên nghiệp, hiệu quả về tầm nhìn, chiến lược hoạt động, mô hình tổ chức, bộ máy nhân sự, trình độ công nghệ, chính sách quản lý, thị trường và khách hàng.

Đồng hành với DSC chỉ trong hơn 01 năm, Ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty.



Ông NGUYỄN THỊ THU HÀ

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế

Thời điểm bổ nhiệm:

8/1/2021

Năm sinh: 1986

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:
1.499.900 CP tương đương chiếm 1,499 % VDL

Thành tựu nổi bật:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài sản, tài chính kế toán, và nắm giữ vị trí chủ chốt tại DSC từ những ngày đầu M&A.



Ông VŨ NHẬT LÂM

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế

Thời điểm bổ nhiệm:

26/07/2021

Năm sinh: 1974

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:
0 CP, tương đương chiếm 0% VDL

Thành tựu nổi bật:

Ông Vũ Nhật Lâm có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ông giữ nhiều vị trí chủ chốt tại các ngân hàng TMCP lớn trong nhiều năm.

Hiện tại, ngoài chức vụ là thành viên HĐQT DSC, Ông Lâm còn đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam.

Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc.



Ông BẠCH QUỐC VINH

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Sơ yếu lý lịch đã được để cập tại mục thông tin thành viên HĐQT



Ông TRẦN MINH TOẢN

Kế toán Trưởng

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế

Thời điểm bổ nhiệm:

12/05/2022

Năm sinh: 1984

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:
0 CP tương đương chiếm 0% VDL

Thành tựu nổi bật:

Ông Trần Minh Toán có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Ông cũng là những nhân sự cấp cao đầu tiên xây dựng đội ngũ kinh doanh nguồn vốn và quan hệ kinh doanh với các định chế tài chính, giúp DSC mở rộng mảng kinh doanh tài chính.

Thay đổi nhân sự của Ban Tổng Giám đốc trong năm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
1	Nguyễn Thị Bích Hà	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 16/02/2022 (Theo NQ HĐQT số 04/2022/NQ-HĐQT/DSC ngày 16/02/2022)
2	Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 16/02/2022 (Theo NQ HĐQT số 04/2022/NQ-HĐQT/DSC ngày 16/02/2022)
3	Trần Minh Toán	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/05/2022 (Theo NQ HĐQT số 11/2022/NQ-HĐQT/DSC ngày 12/05/2022)

Tiểu ban trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc:

- Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung như: Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty; Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp; Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng; Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
- Bộ phận (Ban) Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có chức năng: Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty; Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.

Giới thiệu Ban Kiểm Soát.

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng BKS	0	0
2	Lê Thị Liên	TV BKS	0	0
3	Bùi Thị Ngọc Ly	TV BKS	0	0

Giới thiệu thành viên Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN THỊ HIỀN NGỌC

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế

Thời điểm bổ nhiệm:

5/3/2021

Năm sinh: 1969

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:

0 CP, tương đương chiếm 0% VDL

Kinh nghiệm công tác:

04/2011 – Nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện - Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công tại Hà Nội

04/2017 – Nay: Giám đốc Ban tài chính kế toán/ Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công

03/2021 – Nay: Trưởng BKS - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

04/2017 – Nay: Giám đốc Ban tài chính kế toán/ Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công

Bà BÙI THỊ NGỌC LY

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Thời điểm bổ nhiệm:

5/3/2021

Năm sinh: 1988

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:

0 CP, chiếm tỷ lệ 0%

Kinh nghiệm công tác:

07/2011 – Nay

Kế toán - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thành Công

03/2021 – Nay

Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC.

Bà LÊ THỊ LIÊN

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán

Thời điểm bổ nhiệm:

5/3/2021

Năm sinh: 1987

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại DSC:

0 CP, chiếm tỷ lệ 0%

Thành tựu nổi bật:

10/2011 – Nay

Kế toán - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thành Công

03/2021 – Nay

Thành viên BKS - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC



CHƯƠNG 3

Báo Cáo Hoạt Động Năm 2022

- 3.1. Tổng quan nền kinh tế & thị trường chứng khoán năm 2022
- 3.2. Báo cáo kết quả hoạt động



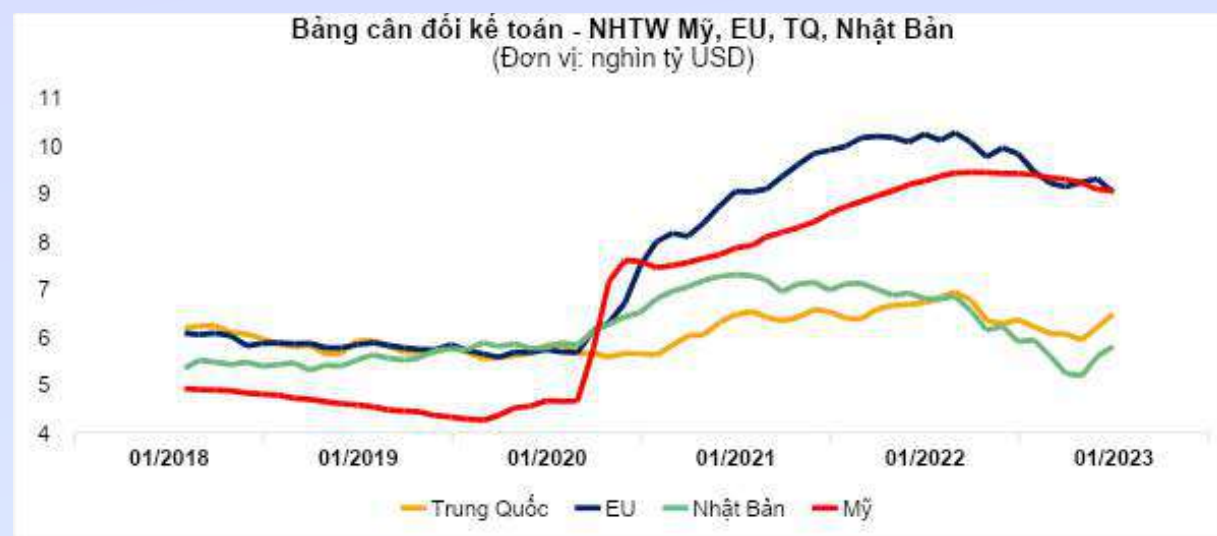
Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2022

Nhìn lại nền kinh tế Thế Giới năm 2022: NGỌN LỬA LẠM PHÁT VÀ CÂU CHUYỆN VỀ LÃI SUẤT

Năm 2022 là câu chuyện về bùng nổ lạm phát thế giới do sự mất cân bằng của cán cân cung cầu.

Về phần nguồn cung, kể từ năm 2020, các chính sách phong tỏa và cách ly khắp thế giới đã tác động rất xấu tới hoạt động sản xuất và vận tải khắp thế giới. Nhiều công xưởng, tiêu biểu như các công xưởng ở Trung Quốc, đã phải đóng cửa để ngăn chặn sự lây lan của COVID. Các hệ thống tàu cảng cũng chịu ảnh hưởng tương tự. Chuỗi cung ứng thế giới từ đó xảy ra sự đứt gãy kéo dài từ 2020 đến gần nửa cuối năm 2022, từ đó khiến nguồn cung hàng hóa, nguyên vật liệu giảm mạnh. Căng thẳng địa chính trị Nga – Ukraine cũng tạo áp lực xấu, làm giảm mạnh nguồn cung dầu mỏ và tạo ra cuộc khủng hoảng năng lượng tại phương Tây.

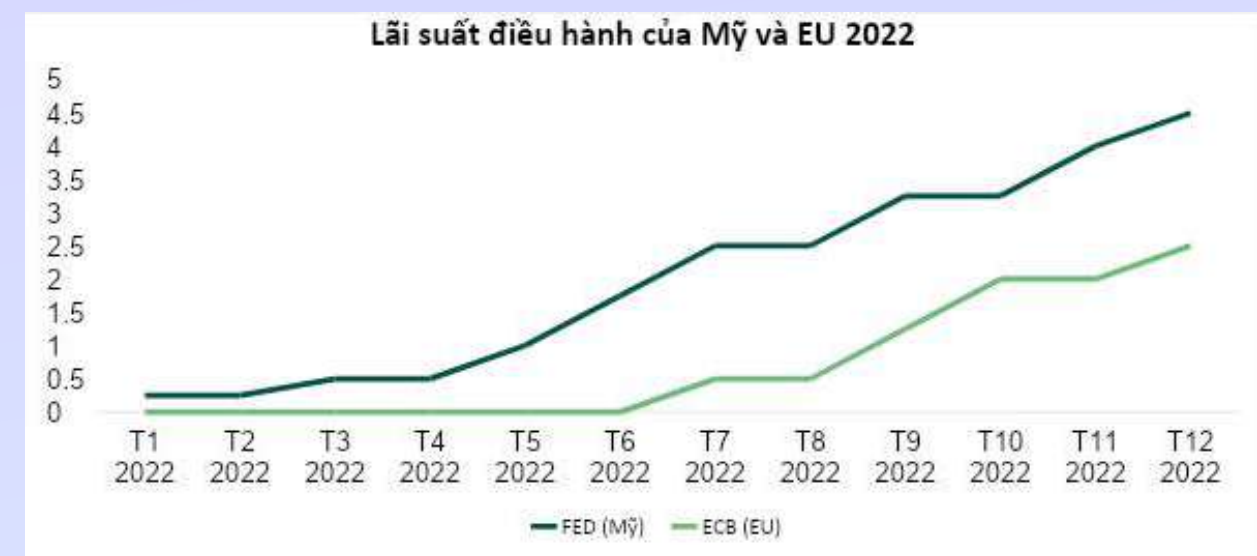
Về phần nguồn cầu: Trong khi nguồn cung không được đảm bảo, nhu cầu tiêu dùng thế giới lại tăng mạnh do (1) các chính sách hỗ trợ từ các NHTW lớn bơm một lượng tiền lớn, giá rẻ ra ngoài thị trường và (2) nhu cầu bị kìm nén của người tiêu dùng được giải tỏa. Do hoạt động sản xuất bị đình trệ, nền kinh tế suy yếu, các nước trên khắp thế giới đã quyết định sử dụng các chính sách tiền tệ như giảm lãi suất và nới lỏng định lượng (QE) để kích cầu nền kinh tế. Đơn cử như ở Mỹ, tháng 3 năm 2020, FED đã giảm lãi suất điều hành quốc gia này về mức 0-0.25% và giữ mức lãi suất này trong suốt 2 năm. Ngoài hạ lãi suất, FED cũng đã thực hiện QE tới \$11.000 tỷ trong 2 năm 2020 – 2021 (tương đương với bơm \$11.000 tỷ vào hệ thống ngân hàng). Dòng tiền giá rẻ được bơm ra ạt kết hợp với các giải pháp công nghệ trực tuyến trở nên phổ biến hơn trong đại dịch khiến cho nhu cầu tiêu dùng được giải phóng và tăng rất mạnh trong thời gian ngắn.



Nguồn: [Monthly Balance Sheets \(yardeni.com\)](https://www.yardeni.com)

Các NHTW nỗ lực dập lửa lạm phát qua việc siết chặt chính sách tiền tệ

Để phòng tránh lạm phát lan rộng, các NHTW đã ngay lập tức đảo ngược chính sách tiền tệ, đi từ nới lỏng sang siết chặt nguồn cung tiền. Các NHTW phương Tây như FED và ECB đồng loạt tăng lãi suất rất nhanh trong khoảng thời gian ngắn. Từ mức lãi suất 0%, 0.25% giai đoạn tháng 3, lãi suất điều hành của Mỹ và EU đã đạt lần lượt 4.5% và 2.5% vào cuối năm 2022.



Nguồn: <https://tradingeconomics.com>

Ngoài việc tăng lãi suất, các NHTW cũng đã chuyển sang thắt chặt định lượng (QT) thay vì nới lỏng (QE) như trước. Nếu trong 2 năm 2020-2021, 4 NHTW lớn của Mỹ, EU, TQ, Nhật Bản bơm ra thị trường ~\$11.000 tỷ thì riêng trong năm 2022, 4 ông lớn này đã hút ròng \$4.000 tỷ khỏi thị trường, tạo áp lực thanh khoản rất lớn lên hệ thống tài chính.

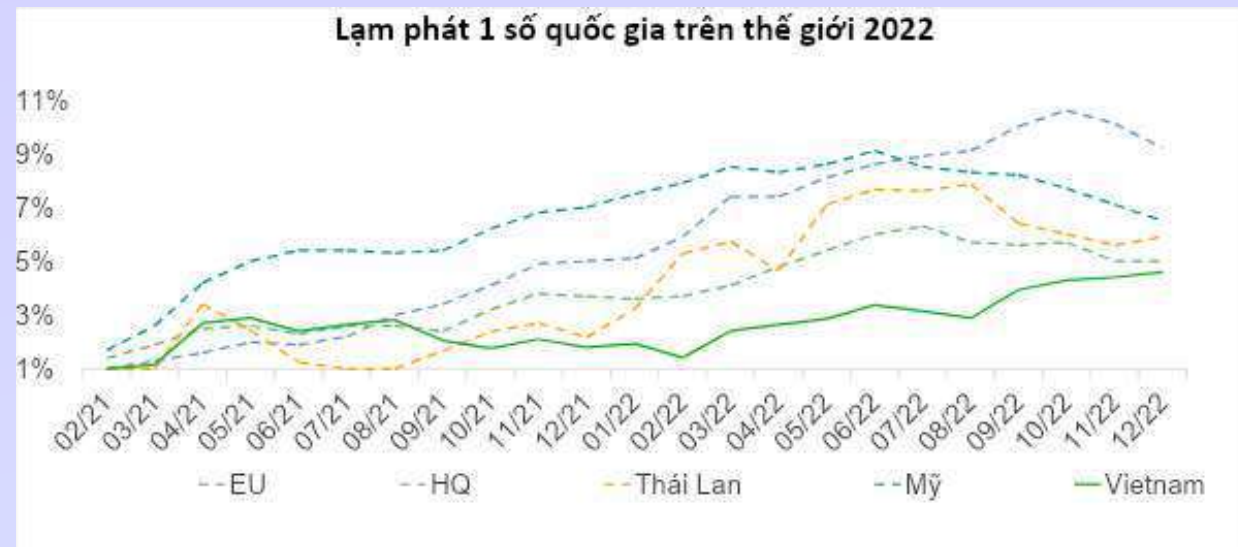
Ở VN, để tránh các tình trạng đồng tiền trượt giá và nhập khẩu lạm phát, NHNN cũng đã có những biện pháp tăng lãi suất điều hành để bắt kịp đà thắt chặt tiền tệ của thế giới. Trong năm 2022, NHNN Việt Nam đã nâng lãi suất điều hành (lãi suất tái cấp vốn) từ 4% lên 6%, từ đó tác động khiến lãi suất NHTM kì hạn 12 tháng tăng ~3-4%, lãi suất liên NH tăng ~4-6%.



Nguồn: <https://www.yardeni.com>

Ngoài việc tăng lãi suất, các NHTW cũng đã chuyển sang thắt chặt định lượng (QT) thay vì nới lỏng (QE) như trước. Nếu trong 2 năm 2020-2021, 4 NHTW lớn của Mỹ, EU, TQ, Nhật Bản bơm ra thị trường ~\$11.000 tỷ thì riêng trong năm 2022, 4 ông lớn này đã hút ròng \$4.000 tỷ khỏi thị trường, tạo áp lực thanh khoản rất lớn lên hệ thống tài chính.

Ở VN, để tránh các tình trạng đồng tiền trượt giá và nhập khẩu lạm phát, NHNN cũng đã có những biện pháp tăng lãi suất điều hành để bắt kịp đà thắt chặt tiền tệ của thế giới. Trong năm 2022, NHNN Việt Nam đã nâng lãi suất điều hành (lãi suất tái cấp vốn) từ 4% lên 6%, từ đó tác động khiến lãi suất NHTM kì hạn 12 tháng tăng ~3-4%, lãi suất liên NH tăng ~4-6%.



Nguồn: BLOOMBERG

Tuy nhiên, cũng giống như các chính sách nới lỏng, các chính sách thắt chặt cũng là con dao hai lưỡi, có lợi có hại. Về mặt hại, đầu tiên, áp lực lãi suất cũng khiến chi phí tài chính của các doanh nghiệp tăng cao, giảm khả năng sinh lời các doanh nghiệp. Tiếp đó, thanh khoản hệ thống thấp khiến cho việc huy động vốn trở nên khó khăn hơn, khiến nhiều doanh nghiệp cần nhiều vốn để hoạt động như nhóm BĐS bất chợt gặp khó. Việc huy động vốn khó khăn khiến nhu cầu của cả doanh nghiệp lẫn người tiêu dùng giảm thiểu, góp phần làm chậm đà tăng trưởng của nền kinh tế.

Do tác động xấu từ các chính sách tiền tệ thắt chặt, nền kinh tế thế giới đã phát triển chậm lại. Chỉ báo rõ ràng nhất cho hiện tượng này là sự suy yếu của khu vực sản xuất. Chỉ số quản trị nhà mua hàng (PMI) của nhiều quốc gia đã về sâu dưới mức 50, báo hiệu cơ hội sản xuất mạnh. Cùng lúc đó, nhiều tổ chức kinh tế uy tín thế giới như JP Morgan, Fidelity đều đưa ra nhận định rằng nền kinh tế thế giới có đến 60-70% rơi vào suy thoái trong năm 2023.

Đơn vị phân tích	Suy thoái kinh tế thế giới (nhẹ)	Khủng hoảng KT thế giới (nặng)	Không có suy thoái
JP Morgan Chase	60%	10%	30%
Fidelity	55%	25%	20%
Blackrock	100%	0%	0%

Nguồn: BLOOMBERG, <https://www.yardeni.com>

Kinh tế Việt Nam 2022:

NỀN KINH TẾ CHỐNG CHỊU TỐT NHUNG ĐÃ CHO THẤY DẤU HIỆU SUY YẾU

Về thị trường Việt Nam nói riêng, các chỉ báo cho thấy một nền kinh tế Việt Nam năm 2022 phát triển tốt, chống chịu tốt trước các tin vĩ mô tiêu cực từ thế giới. Tuy nhiên, ngoài những chỉ báo tích cực, cũng đã có các dấu hiệu cho thấy nền kinh tế đã xuất hiện những suy yếu đầu tiên.

Kinh tế Việt Nam năm 2022: Những điểm tích cực

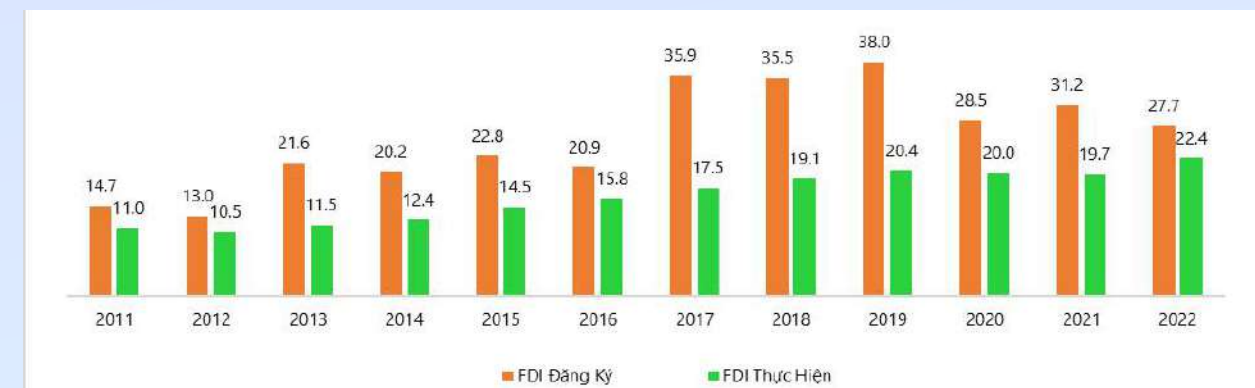
Về những điểm tích cực, trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam có: (1) Tăng trưởng GDP đạt mức cao, (2) Lạm phát nằm trong tầm kiểm soát, (3) FDI thực hiện cao kỷ lục, (4) Cán cân thương mại nghiêng về xuất siêu, (5) tỷ giá USD/VND kết năm ổn định, và (5) Tốc độ giải ngân đầu tư công bùng nổ vào tháng 12/2022.

Cả năm 2022, GDP Việt Nam tăng trưởng 8.02% YoY từ mức nền thấp 2021, tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong hơn 10 năm trở lại. Đáng chú ý, trong 15 năm trở lại, kể cả trong pha suy thoái của nền kinh tế, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn đạt ở mức khá cao. Cụ thể hơn, ở giai đoạn suy thoái tài chính thế giới 2008, GDP Việt Nam vẫn tăng trưởng khá cao 5.7%. Còn trong giai đoạn 2 năm đầu đại dịch COVID (2020-2021), khi GDP nhiều nước lớn như Mỹ và EU có tăng trưởng GDP âm, Việt Nam vẫn đạt được mức tăng trưởng 2.9% và 2.6%. Đây là cơ sở để tin rằng GDP Việt Nam sẽ có thể tiếp tục đạt tăng trưởng tốt trong năm 2023 dù vĩ mô thế giới có sự suy yếu nhất định.

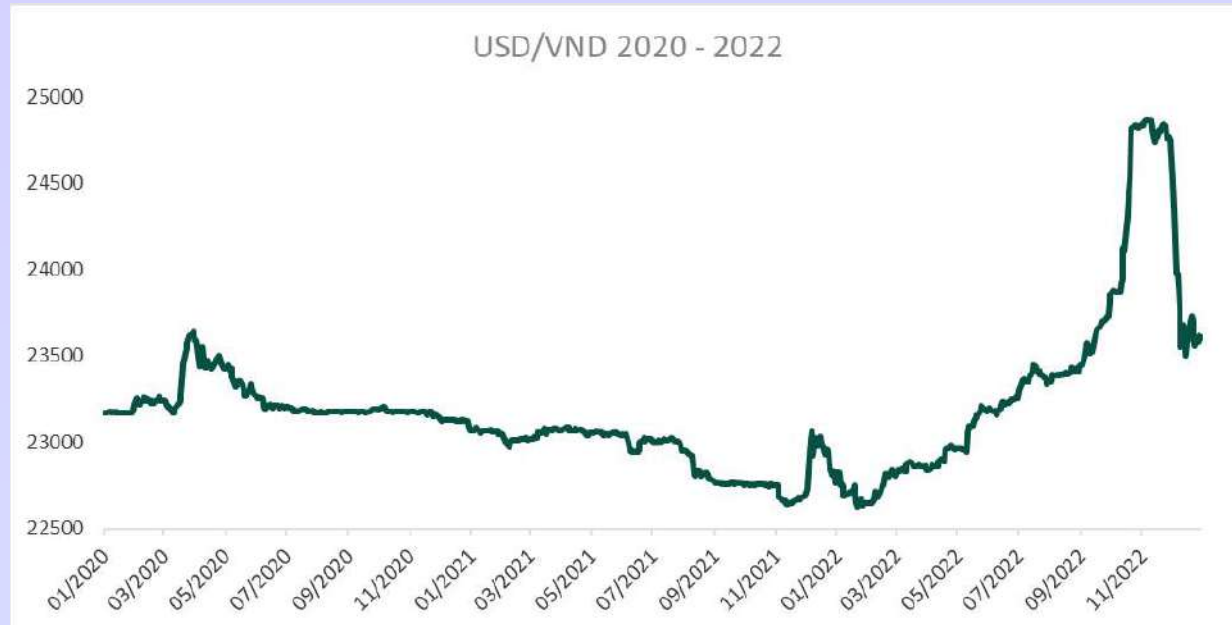


Về mặt lạm phát, tính cả năm 2022, bình quân lạm phát của Việt Nam chỉ tăng 3.15%, thấp hơn so với trần mục tiêu 3.5% mà chính phủ đề ra và cũng thấp hơn nhiều khi so sánh với các quốc gia khác trên thế giới như Mỹ, EU, Hàn Quốc, hay Nhật Bản.

Nguồn đầu tư vốn nước ngoài (FDI) là yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế Việt Nam. Theo số liệu của nhà nước, 20% GDP và 72% giá trị xuất khẩu của Việt Nam tới từ khu vực này. Việc duy trì tăng trưởng nguồn vốn FDI vào Việt Nam là một động lực cần thiết để kiến thiết nền kinh tế nước nhà. Trong năm 2022, tuy FDI đăng ký chỉ đạt \$27.7 tỷ (giảm 11% YoY), con số quan trọng hơn, FDI thực hiện lại đạt tới \$22.4 tỷ (tăng 13.7% YoY), là con số cao kỷ lục của khu vực FDI Việt Nam từ trước đến nay. Điều này cho thấy dù các yếu tố vĩ mô đã xấu dần, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn rất nghiêm túc với việc duy trì đầu tư vào Việt Nam.



Trên thương trường quốc tế, Việt Nam hiện vẫn đang duy trì được trạng thái xuất siêu. Cả năm 2022, Việt Nam xuất siêu \$11.2 tỷ. Dòng tiền ngoại thu về được từ nguồn vốn FDI cũng như xuất siêu là 2 yếu tố hỗ trợ chính khiến tỷ giá USD/VND duy trì mức khá ổn định trong năm 2022. Tuy có giai đoạn USD/VND tưởng chừng như mất mỏ neo, tăng cao lên 24.800, tỷ giá đã nhanh chóng phục hồi và trở về mốc 23.600 kết năm 2022 (chỉ trượt giá 3.1% so với đầu năm).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

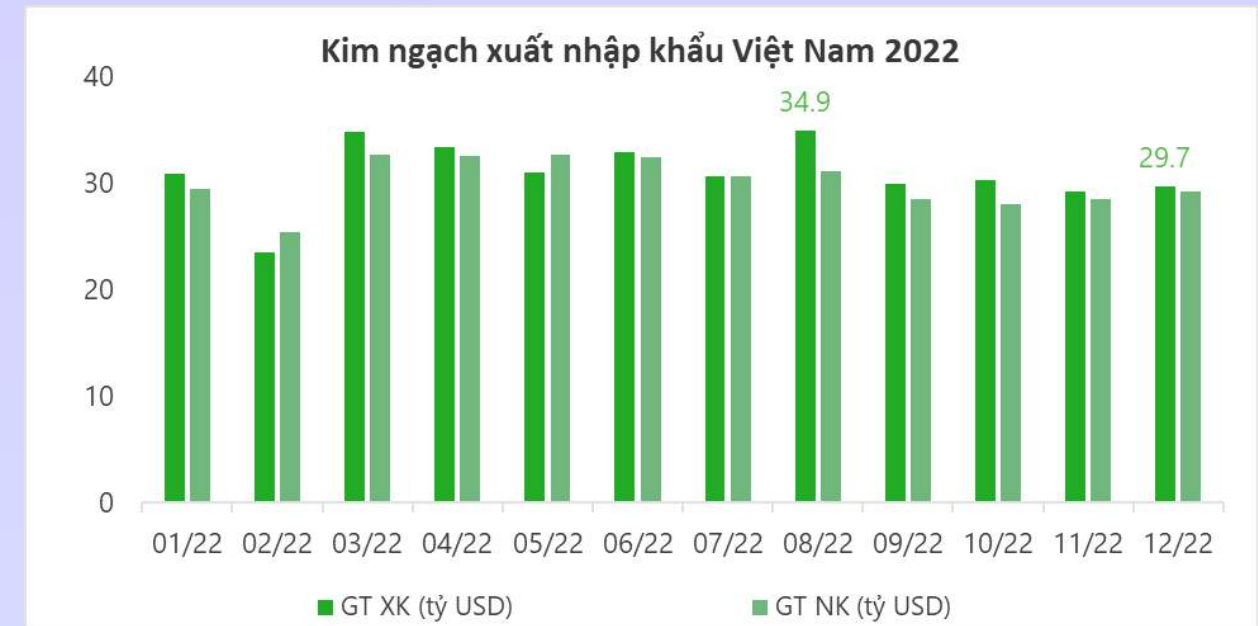
Yếu tố tích cực cuối cùng trong bài toán kinh tế Việt Nam liên quan tới tốc độ giải ngân đầu tư công. Nếu trong 11 tháng đầu năm, Việt Nam chỉ giải ngân được 58% số vốn đầu tư công theo kế hoạch, thì đến tháng 12, con số này đã lên tới 80.2%. Tốc độ giải ngân tăng vọt trong tháng 12 cho thấy tiến trình giải ngân đã trở nên thuận lợi hơn, có thể là do yếu tố chuỗi cung cầu được hàn gắn và được sự hỗ trợ tận tâm hơn từ Thủ tướng chính phủ. Với tốc độ giải ngân ngang trung bình 5 năm trở lại, nhà đầu tư hoàn toàn có thể kì vọng tiến trình giải ngân vốn đầu tư công sẽ có phần suôn sẻ hơn trong năm 2023.

Kinh tế Việt Nam năm 2022: Những điểm tiêu cực

Như đã đề cập, bức tranh kinh tế Việt Nam không chỉ toàn màu hồng. Cũng đã có những dấu hiệu, chỉ báo cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã bước vào giai đoạn giảm tốc.

Yếu tố đầu tiên, rõ ràng nhất xuất hiện ở khu vực sản xuất. Tháng 11 và 12, PMI rơi về xuống mức khá sâu dưới 50, báo hiệu co hẹp sản xuất. Đáng chú ý, cả 5 cấu phần của chỉ số PMI là đơn hàng mới, hàng tồn kho, lượng sản xuất, đơn hàng được giao, và lượng nhân sự đều có xu hướng suy yếu. Theo kết quả phỏng vấn của SPGlobal, đơn vị làm khảo sát PMI, các nhà sản xuất đánh giá xu hướng này diễn ra do nhu cầu tiêu dùng hàng Việt Nam trên thế giới đã bắt đầu suy yếu, từ đó giảm sản lượng sản xuất cũng như xuất khẩu của thị trường Việt Nam. Cũng theo SPGlobal, các nhà sản xuất đánh giá xu hướng này sẽ tiếp diễn ít nhất đến hết H1 năm 2023 và sẽ hồi phục vào nửa sau 2023 theo đà mở cửa của Trung Quốc. (Chart PMI ở bên trên)

Kim ngạch xuất nhập khẩu cũng phần nào cho thấy sự suy yếu. Sau giai đoạn tăng trưởng mạnh Q2-Q3 (giá trị XK ~ \$32 tỷ/tháng), kim ngạch XK quý 4 chỉ đạt trung bình 29.7 tỷ (-6.5% QoQ).

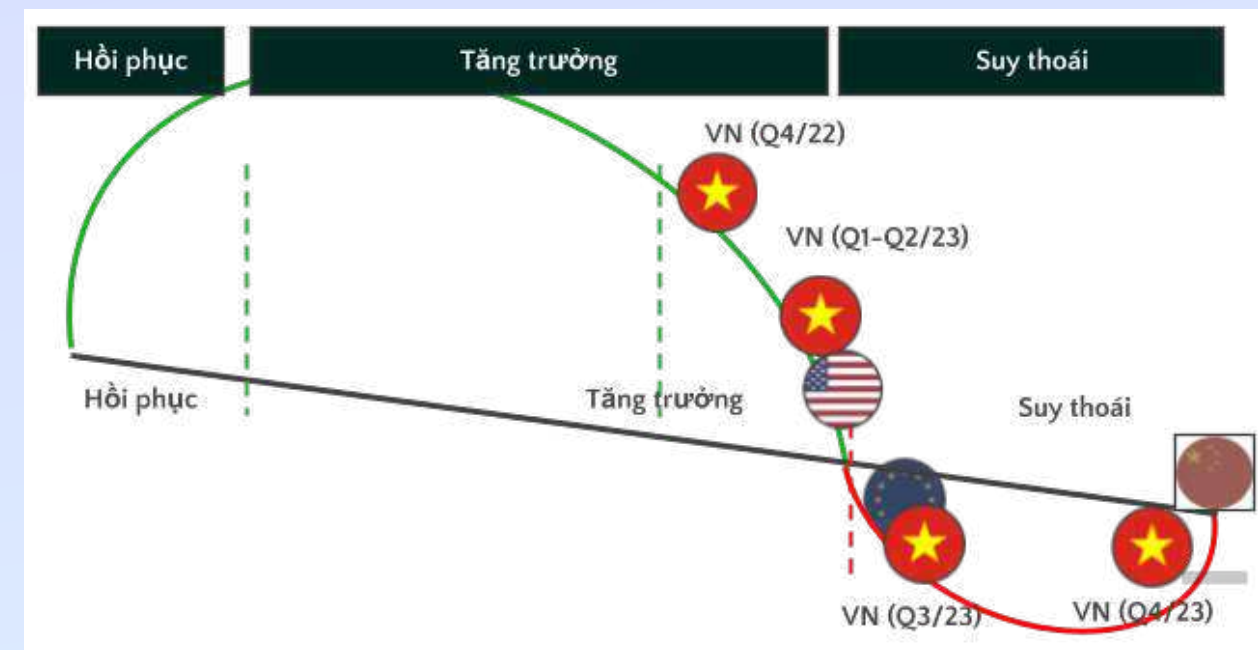


Thị trường tài chính Việt Nam cũng cho thấy có dấu hiệu suy yếu ở kênh huy động vốn trái phiếu doanh nghiệp. Với những vụ việc của **Tân Hoàng Minh, FLC, hay Vạn Thịnh Phát**, có thể thấy hệ thống tài chính của Việt Nam vẫn còn non trẻ, tồn tại nhiều điểm bất cập. Những vụ việc trên làm tổn hại rất lớn đến tâm lý, giảm niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường. Từ đó, các sự kiện gây ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng huy động vốn của các doanh nghiệp qua kênh trái phiếu và làm tăng rủi ro tín dụng của thị trường

Kết luận chu kì kinh tế Việt Nam

Dựa trên các chỉ báo kinh tế đang xấu dần (PMI giảm sâu, kim ngạch XNK giảm), dự phóng suy thoái kinh tế và áp lực đáo hạn trái phiếu trong 2023, DSC đánh giá nền kinh tế Việt Nam đang ở cuối chu kỳ tăng trưởng, sẽ giảm tốc và bước vào chu kỳ suy thoái ở Quý 3 năm 2023.

Chúng tôi kỳ vọng nền kinh tế sẽ khởi sắc hơn vào Quý 4 theo động lực từ nền kinh tế Trung Quốc mở cửa và phục hồi trở lại tăng trưởng mạnh vào năm 2024.



Nguồn: DSC Research

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022: Đò lửa theo sắc màu đầu tư khắp thế giới

Nguyên do cho việc các thị trường chứng khoán đều sụt giảm điểm mạnh đến từ các nguyên do: (1) thị trường đã tăng quá nóng giai đoạn 2020 – 2021 khiến định giá trở nên bất hợp lý, (2) thị trường đón nhận tin xấu, cụ thể hơn là các thông tin tăng lãi suất, từ các NHTW, (3) áp lực bán giải chấp, margin call chéo xảy ra.

Về mặt định giá, giai đoạn cuối năm 2021, đầu năm 2022, P/E của VNINDEX rơi vào khoảng 17 lần, thuộc mức khá cao khi so sánh với lịch sử 15 năm trở lại. Đó là hệ quả từ việc dòng tiền lớn, giá rẻ được tiếp ra thị trường giai đoạn 2020 – 2021 đi vào các kênh đầu tư như chứng khoán và bất động sản. Hiện tượng này không chỉ xảy ra ở thị trường Việt Nam mà còn diễn ra trên khắp thế giới. Các TTCK trên thế giới như Mỹ cũng có mức tăng điểm index rất ấn tượng trong giai đoạn 2020–2021. Với mức định thị trường cao và mức lợi nhuận đã đạt đỉnh vào 2021, thị trường xuất hiện điều kiện đủ để phát triển “bong bóng”, khiến cho đà rơi năm 2022 có phần quyết liệt hơn.



Nguồn: DSC Research

Với mức định giá khá cao, thời điểm FED ra quyết định sẽ chuyển từ hỗ trợ về mặt tiền tệ sang thắt chặt, các thị trường chứng khoán trên khắp thế giới đồng loạt bán tháo. Việc FED tăng lãi suất hút ròng mạnh dòng tiền đầu tư từ các loại tài sản khác về đầu tư trái phiếu chính phủ Mỹ. Thêm đó, do lãi suất phi rủi ro (lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ) gia tăng, lãi suất chiết khấu sử dụng để định giá tài sản cũng gia tăng, từ đó giảm giá trị thực tại của các loại rủi ro, trong đó có chứng khoán. Do tác động từ 2 yếu tố trên, thông tin FED tăng lãi suất trở thành một mối lửa cho đà giảm tưởng chừng không phanh của thị trường giai đoạn giữa năm 2022.

Ngoài các yếu tố về định giá cao, thông tin vĩ mô xấu, một nguyên nhân chính dẫn đến đà rơi không phanh của thị trường xảy ra là do yếu tố cho vay margin quá cao trong giai đoạn thị trường bùng nổ 2020–2021. Với mức cho vay margin quá cao, khi thị trường sập, các nhà đầu tư bị call margin dẫn đến tình trạng các danh mục bị bán giải chấp, call margin chéo, và không có dòng tiền mới xuất hiện để có thể đỡ thị trường. Do đó, đặc điểm chung của những đợt sụt giảm trên là việc thị trường rơi thẳng đứng và thanh khoản sụt giảm mạnh sau đó. Ở các thị trường tài sản khác, ví dụ như thị trường BĐS cũng chứng kiến trạng thái tương tự. Sau nhiều năm, giá nhà đất giảm ở nhiều địa phương, nguy hiểm hơn là nhiều nơi mất thanh khoản. Việc sử dụng đòn bẩy trên thị trường bất động sản cũng là rất phổ biến, không chỉ với nhà đầu tư cá nhân mà còn cả doanh nghiệp. Nhiều bên tham gia thị trường vẫn sẽ cần loay hoay để tìm hướng giải quyết trong năm 2023 tới.

TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN 2022

Năm 2022 chứng kiến cuộc chơi trong ngành chứng khoán thay đổi khi thị trường có những biến động mạnh mẽ dưới tác động từ những sự kiện sóng gió liên tục từ đầu năm. Kể từ tháng 4 năm 2022, thị trường liên tục giữ xu hướng downtrend và bắt đầu cho thấy những tín hiệu hồi phục vào tháng 11.

Có lẽ nhóm ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, cũng là nhóm ngành có sự phát triển song hành với thị trường là nhóm chứng khoán. Sở dĩ điều kiện thị trường là yếu tố sống còn với các công ty chứng khoán là do hoạt động môi giới và cho vay margin – vốn là mảng trọng yếu của phần lớn CTCK, có kết quả kinh doanh phụ thuộc vào thanh khoản thị trường.

Cuộc cạnh tranh thị phần môi giới vốn đã căng thẳng lại càng nóng hơn trước áp lực giao dịch trên thị trường chứng khoán hạ nhiệt phần nào đã làm thu hẹp đáng kể doanh thu từ mảng môi giới. Để giữ được thị phần, nhiều công ty chứng khoán đánh đổi bằng cách chấp nhận biên lợi nhuận gộp trên doanh thu mảng môi giới giảm đáng kể.

Nhìn chung, thị phần top 10 sẽ không có sự thay đổi lớn. Nhân tố gây ra sự xáo trộn thị phần là (1) cơ cấu giao dịch của nhà đầu tư cá nhân và tổ chức và (2) chính sách margin và phí môi giới. Thời điểm thị trường thăng hoa cùng lớp nhà đầu tư cá nhân sẽ có lợi cho những công ty chứng khoán có tệp khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng chính và ngược lại.

Năm 2022 cũng chứng kiến một cuộc chạy đua tăng vốn giữa các CTCK. Thị trường bước vào giai đoạn uptrend mãnh liệt với sự tăng điểm lan tỏa tới gần hết các nhóm ngành. Lượng tài khoản mở mới tăng lên chóng mặt và lập kỷ lục với con số 1,5 triệu trong năm 2021 đã tạo ra cơ hội kiếm lời “khủng” cho công ty chứng khoán. Lượng khách hàng khổng lồ đổ vào thị trường khiến doanh thu của các CTCK tăng vọt không chỉ trong mảng môi giới mà hơn cả là hoạt động cho vay margin. Việc dễ kiếm lời khiến không ít nhà đầu tư đã tăng cường sử dụng margin, khiến nhiều CTCK chạm ngưỡng giới hạn cho vay.

Lượng nhà đầu tư mới tiếp cận thị trường cũng đẩy quy mô thị trường tăng chóng mặt. Năm 2020, quy mô giao dịch thị trường đạt 6,400 tỷ đồng/phiên. Chỉ 2 năm sau đó đã tăng gần gấp 3 lần, lên ngưỡng 18,100 tỷ đồng/phiên. Điều này cũng tạo ra động lực để các công ty chứng khoán tăng vốn để tăng sự cạnh tranh với hai mảng đầy màu mỡ như môi giới và cho vay margin.

Tuy nhiên việc tăng vốn đòi hỏi khá nhiều thời gian bởi các thủ tục pháp lý và khả năng tìm được nguồn vốn hợp lý. Từ đó tạo ra độ trễ giữa việc tăng vốn của CTCK và thị trường, khiến tương quan giữa năng lực cho vay và nhu cầu thị trường bị lệch pha. Vào thời điểm Q4/2021, sức nóng của thị trường cũng như dư nợ margin đạt đỉnh, khi đó các CTCK chưa kịp tiến hành việc tăng vốn. Tuy nhiên, sau khi các đợt tăng vốn được thực hiện, dư nợ margin lại sụt giảm mạnh do tình hình thị trường. CTCK giờ có năng lực cho vay tốt hơn nhưng thị trường lại không còn mặn mà.

Dư nợ cho vay ở các CTCK giảm dần qua từng quý nhưng bất ngờ bật tăng lại trong quý 3. Điều này tạo nên nghịch lý giữa thanh khoản và dư nợ margin. Điều này có thể lý giải bởi vào thời điểm dòng vốn bị siết chặt, các doanh nghiệp khó tiếp cận vốn đã tìm đến kênh cho vay ký quỹ của các công ty chứng khoán. Kênh này cũng đã đóng vai trò phần nào cân nguồn cho việc siết chặt thị trường trái phiếu và hết hạn mức tín dụng. Tuy nhiên, xu thế này không kéo dài lâu bởi các CTCK không chấp nhận chịu rủi ro cao và cho doanh nghiệp vay quá nhiều. Vậy nên, với nguồn vốn còn dồi dào, dư địa cho vay margin vẫn còn rất nhiều để khai thác.

Lĩnh vực IB năm 2022 cũng ghi nhận sự hạ nhiệt so với cùng kỳ, đặc biệt ở mảng M&A. Trong 10 tháng đầu năm 2022, tổng giá trị M&A đạt 5,7 tỉ USD, giảm 35% so với cùng kỳ năm 2021. Các ngành, lĩnh vực chính thu hút nhiều khoản đầu tư gồm tiêu dùng (1,2 tỉ USD), bất động sản (gần 1 tỉ USD), công nghiệp (800 triệu USD). Đặc biệt, ngành năng lượng đang trở nên “hot” nhất năm 2022 nếu xét về tăng trưởng giá trị, đạt gần 600 triệu USD, tăng khoảng 6 lần so với cả năm 2021. Tuy nhiên, đến nửa sau 2022, mảng IB ở các CTCK hầu như đều bị trì trệ do thị trường trái phiếu gặp khó. Khả năng cao điều kiện thị trường trong năm 2023 khó có thể có sự phục hồi rõ rệt khi những vướng mắc về trái phiếu còn tồn đọng chưa được giải quyết tận gốc.

Tổng kết lại, năm 2022 là một năm với nhiều thăng trầm, đi từ đỉnh cao đến vực sâu. Đây cũng là năm bản lề, tạo cú hích cần thiết cho các CTCK, là mảng lọc sàng lọc những công ty có cơ cấu hoạt động còn yếu kém.

Báo cáo kết quả hoạt động.

■ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Thay đổi trong cơ cấu tài sản

Đơn vị: Triệu VND

	2022	2021	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	2.371.155	1.799.961	32%
Tài sản dài hạn	38.179	9.324	309%
Tổng tài sản	2.409.334	1.809.285	33%
Nợ phải trả ngắn hạn	1.343.846	773.885	74%
Nợ phải trả dài hạn	0	3.360	-100%
Nợ phải trả	1.343.846	777.245	73%
Vốn chủ sở hữu	1.065.488	1.032.040	3%
Tổng nguồn vốn	2.409.334	1.809.285	33%

Cơ cấu tổng tài sản thời điểm cuối năm 2022

Chỉ tiêu tài sản	Tỉ trọng trong cơ cấu tài sản
Tiền và tương đương tiền	0,02%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	46,67%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	8,84%
Các khoản cho vay (đã dự phòng suy giảm giá trị TS thế chấp)	41,21%
Tài sản tài chính khác	1,44%
Trả trước cho người bán	0,15%
Các khoản phải thu (đã dự phòng suy giảm giá trị)	0,02%
Tài sản ngắn hạn khác	0,07%
Tài sản cố định	0,74%
Tài sản dài hạn khác	0,84%

Tổng tài sản của DSC tăng trưởng 33% đạt trên 2,409 tỷ VND tại ngày 31/12/2022. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm hầu hết (98%) tổng tài sản, chủ yếu nằm ở tài sản tài chính.

Cụ thể, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL 1.124 tỷ VND, chiếm 46,67% tổng tài sản) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM 213 tỷ VND, chiếm 8,84% tổng tài sản), và Các khoản cho vay (đã dự phòng suy giảm giá trị TS thế chấp) (993 tỷ VND, chiếm 41,21% tổng tài sản). Đặc biệt, đa số các khoản đầu tư kể trên là chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành và tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm, vốn là những tài sản rất an toàn, có độ thanh khoản cao được DSC lựa chọn để sẵn sàng nguồn lực cho giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ trong thời gian sắp tới, nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh và dự án mới trong năm 2023.

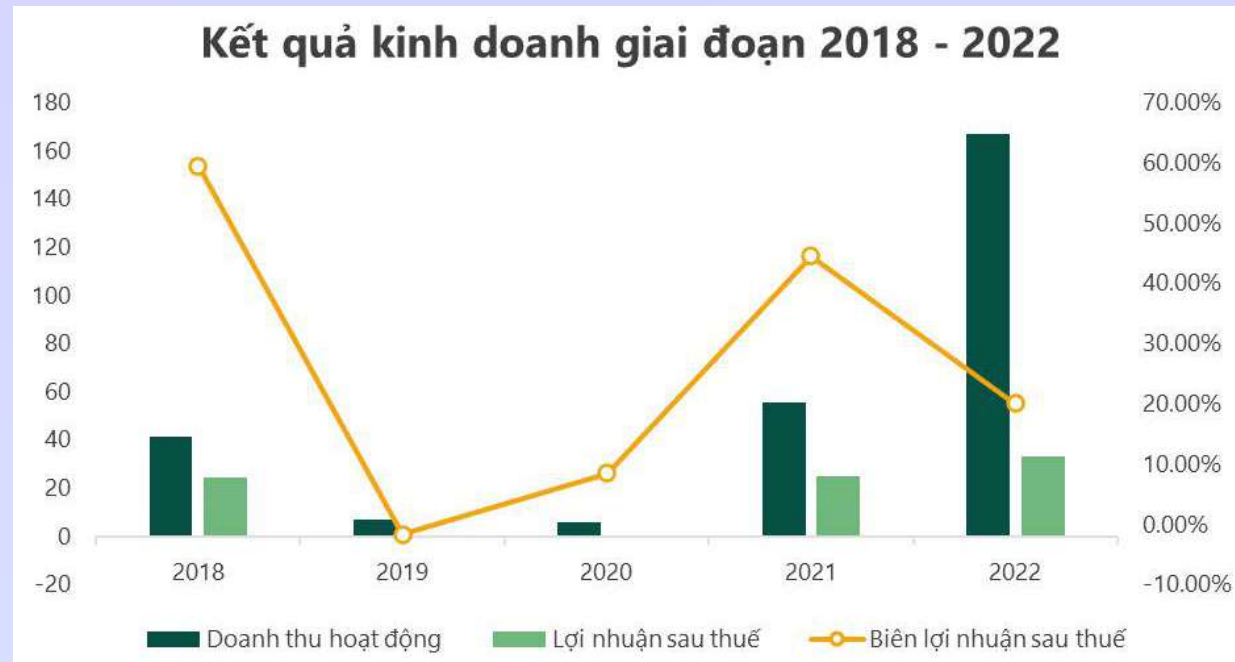
Hoạt động cho vay ký quỹ cũng gia tăng tích cực so với năm 2021. Dư nợ cho vay margin tại thời điểm 31/12/2022 tăng 206% so với đầu năm, đạt 929 tỷ VND – đây là một dấu mốc quan trọng cho sự phát triển của DSC ở một mảng kinh doanh tương đối mới khi trước đó vào năm 2020 chỉ đạt con số dưới 9 tỷ VND. Sự tăng trưởng mạnh mẽ có được nhờ những chương trình cho vay kích thích giao dịch của DSC, được nhà đầu tư tổ chức và cá nhân đánh giá cao. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chứng khoán lao dốc, dấu ấn tăng trưởng này càng xứng đáng được ghi nhận. Bên cạnh đó, DSC vẫn duy trì được chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời những thời điểm thị trường dao động mạnh ảnh hưởng tới khách hàng. Năm 2022 tiếp tục là một năm không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, hoạt động cho vay được thúc đẩy với các chính sách cho vay linh hoạt, đáp ứng mọi nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng.

Sau khi tăng vốn và tái cấu trúc thành công vào năm 2021, cơ cấu nguồn vốn của DSC hiện nay chủ yếu bao gồm Vốn chủ sở hữu và nợ vay ngắn hạn. Công ty chưa có các nguồn huy động từ trái phiếu mà chủ yếu là vay ngân hàng với lãi suất tương đối thấp, do đó có thể thấy rằng DSC còn rất nhiều dư địa để huy động vốn đặc biệt là tư kênh trái phiếu và cổ phiếu.

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 1.344 tỷ VND, tăng 73% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên dù nguồn vốn vay tăng mạnh nhưng DSC vẫn tiếp tục đảm bảo thanh khoản ở mức cao, không phát sinh sự cố rủi ro nào và không để phát sinh chậm nợ với ngân hàng. Hình thức vay cũng đa dạng hóa, linh hoạt tối đa. Việc cân đối kỳ hạn các khoản vay khác nhau luôn đảm bảo có lợi nhất về lãi suất trên cơ sở dự đoán đúng xu hướng biến động của thị trường. Việc cân đối kỳ hạn giữ các nguồn vay và tài sản cũng được tối ưu hóa không chỉ về thanh khoản mà cả lãi suất.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Trải qua hơn 20 năm thăng trầm và chứng kiến những biến động của TTCK, DSC kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh. Công ty tiếp tục dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm để cung cấp tới nhà đầu tư, xây dựng và cải tiến hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng trong thời kỳ mới.



Mức độ hoàn thành kế hoạch năm

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Hoàn thành
Doanh thu hoạt động	166.860	188.302	89%
Lợi nhuận sau thuế	33.447	45.273	74%

Đơn vị: Triệu VND

Kết quả kinh doanh so với năm trước

	2022	2021	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	166.860	55.752	199%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	45.354	20.592	120%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.937	21.487	118%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	47.640	6.177	671%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25.931	7.073	267%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	100	0	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	796	224	255%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	100	200	-50%
Doanh thu hoạt động khác	2	0	-
Chi phí hoạt động	50.683	7.916	540%
Lợi nhuận gộp hoạt động	116.177	47.837	143%
Doanh thu hoạt động tài chính	644	390	65%
Chi phí hoạt động tài chính	42.154	5.019	740%
Chi phí quản lý	32.110	12.027	167%
Lợi nhuận khác	-161	-7	2200%
Tổng LN kế toán trước thuế	42.396	31.174	36%
Chi phí thuế TNDN	8.949	6.322	42%
LN kế toán sau thuế	33.447	24.852	35%

Đơn vị: Triệu VND

Kết thúc năm 2022, doanh thu hoạt động đạt giá trị 167 tỷ đồng, hoàn thành 89% chỉ tiêu kế hoạch cả năm. Trong xu hướng đi xuống của cả TTCK thì đây vẫn là những kết quả đáng ghi nhận. Trong đó, lãi ghi nhận từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL); các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) và các khoản cho vay và phải thu mang lại doanh thu chính khi chiếm lần lượt 27%; 28% và 29% cơ cấu doanh thu hoạt động. Nghiệp vụ môi giới và lưu ký chứng khoán cũng khởi sắc hơn khi tệp khách hàng của DSC tăng mạnh sau giai đoạn tái cấu trúc, cải thiện lần lượt là 267% và 255% so với cùng kì, đóng góp 16% vào doanh thu hoạt động của DSC.

Để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sự tăng trưởng của doanh thu luôn đi cùng với tăng trưởng chi phí. Trong đó, chi phí hoạt động và chi phí quản lý tăng lần lượt là 540%, và 167% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính tăng 740% so với đầu năm, nguyên nhân là do công ty tăng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD.

Lợi nhuận sau thuế đạt 33 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước và đạt 74% kế hoạch năm.

Các chỉ số tài chính quan trọng:

Chỉ số tài chính	Đơn vị	2022	2021
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,76	2,33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,76	2,33
Chỉ số về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	Lần	0,56	0,43
Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	Lần	1,26	0,75
Chỉ số về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	713,85	60,4
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,08	0,06
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	20,0%	44,6%
Hệ số LNST/ Vốn CSH	%	3,2%	4,56%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	1,6%	2,7%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	25,5%	64,2%

Các chỉ số về khả năng thanh toán vẫn được duy trì ở mức lớn hơn 1, dù đã giảm mạnh so với năm 2021. Mức chỉ số tương đương 1,76 lần cho thấy DSC đã sử dụng nguồn lực ngắn hạn triệt để hơn so với cùng kì năm trước, đồng thời vẫn giữ vững khả năng thanh khoản tốt, sẵn sàng tiếp cận những cơ hội đầu tư ngắn hạn cũng như chi trả các chi phí tài chính cần thiết khi đến hạn;

Tỉ lệ công nợ tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, với hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản chỉ ở mức 0,56 lần và Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH chỉ ở mức 1,26 lần. Mặc dù mức nợ vay tăng (chủ yếu là nợ ngắn hạn), song áp lực trả nợ của DSC là không lớn do khả năng thanh toán ổn định với lượng tài sản ngắn hạn, thanh khoản cao dồi dào.

Về năng lực hoạt động, do đặc thù của công ty chứng khoán nên hàng tồn kho chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu tài sản nên vòng quay hàng tồn kho ở mức cao – 713,85 lần. Chỉ số vòng quay tổng tài sản duy trì ở mức 0,08 vào năm 2022.

Khả năng sinh lời vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao mặc dù DSC chịu ảnh hưởng chung của TTCK nên sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2023, khi tình hình kinh tế vượt qua được khủng hoảng và TTCK tăng trưởng trở lại, cùng với các chính sách, các gói sản phẩm mới sắp ra mắt, nhiều tín hiệu tích cực cho thấy các chỉ số này sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong các năm sau đó.

■ KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Cùng với sự thay đổi định hướng chuyển dịch số trên hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán với mũi nhọn là Khách hàng cá nhân vẫn tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng cùng với thị trường, mặc dù môi trường càng ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn từ các công ty chứng khoán top đầu thị trường.

Việc triển khai đồng bộ, hiệu quả eKYC trong quá trình mở tài khoản, sử dụng chữ ký điện tử CA, cùng với nền tảng giao dịch tiện ích và thân thiện với người dùng đã giúp Công ty đạt được số lượng lớn tài khoản mở mới. Lượng khách hàng mở mới tài khoản giao dịch chứng khoán tại DSC trong năm 2022 đạt 2.014 tài khoản, tăng 355% so với năm 2021 (568 TK mở mới).

■ KHỐI VẬN HÀNH

Trong năm 2022, DSC đã thực hiện triển khai số hóa dịch vụ chứng như mở rộng hoạt động kinh doanh. Cụ thể:

Số hóa Dịch vụ

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành công việc quan trọng nhất của tiến trình số hóa nền tảng giao dịch bằng việc Golive thành công "Hệ thống quản lý và giao dịch chứng khoán" vào tháng 6/2022. Hệ thống giao dịch mới được triển khai trên các nền tảng Home trading, Web trading, Mobile app ...tích hợp nhiều tính năng giao dịch, phân tích, tổng hợp thông tin, an toàn, bảo mật đã mang đến cho khách hàng công cụ giao dịch hiện đại và hiệu quả.

Cũng trong Quý 2/2022, DSC đồng thời triển khai dịch vụ Thu – chi hộ định danh thông qua việc hợp tác cung cấp dịch vụ với các ngân hàng thương mại. Với dịch vụ này đã giúp cho quá trình giao dịch tiền giữa khách hàng và công ty chứng khoán được thực hiện tự động, nhanh, chính xác và hiệu quả.

Không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ: Tháng 12/2022, DSC tiếp tục nâng cấp tính năng mở tài khoản eKYC (định danh khách hàng điện tử) kết hợp e-Signature (Chữ ký điện tử). Khách hàng có thể thực hiện mở tài khoản giao dịch chứng khoán online vô cùng dễ dàng, 24/7 và hoàn toàn không cần hồ sơ giấy. Đây được đánh giá là 1 tính năng dịch vụ vượt trội, ưu việt của DSC.

Phát triển mạng lưới

Cùng với quá trình số hóa dịch vụ, DSC tích cực mở rộng mạng lưới để tăng sự hiện diện trên thị trường và tiếp cận gần hơn với khách hàng: trong năm 2022, DSC đã khai trương 01 Phòng Giao dịch Hàm Long), mở rộng quy mô tại chi nhánh Hồ Chí Minh cùng 01 chi nhánh đang hoạt động tại Đà Nẵng.

Phát triển Sản phẩm

Trong năm 2022, với sự bổ sung mạnh mẽ nguồn lực, DSC đã cho ra mắt nhiều tính năng mới hỗ trợ khách hàng và đáp ứng nhu cầu đa dạng củ khách hàng bao gồm:

- Ra mắt các gói margin với mức lãi suất hấp dẫn
- Cơ cấu các gói ưu đãi phí linh hoạt
- Ứng trước tiền bán tự động



■ KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Với phương châm xây dựng năng lực cốt lõi về công nghệ là kiến tạo các nền tảng số đáp ứng mô hình kinh doanh của DSC trong hiện tại và tương lai, liên tục vận hành đảm bảo tiêu chí An toàn - Ổn định - Kịp thời, trong năm 2022 Khối CNTT đã tập trung nguồn lực để xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT và các nền tảng:

Cơ sở hạ tầng: Hoàn thiện việc mua sắm mới và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT.

Hệ thống giao dịch: Triển khai thành công phần mềm lõi chứng khoán cơ sở nhằm cung cấp cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tiện ích đa dạng, đa kênh, đảm bảo tính ổn định bảo mật, giúp khách hàng thuận tiện trong các giao dịch chứng khoán.

Bên cạnh đó để tăng trải nghiệm khách hàng DSC cũng đã đưa định danh điện tử eKYC và chữ ký số FPTCA vào quy trình mở tài khoản trực tuyến, áp dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay giúp khách hàng sẵn sàng giao dịch chỉ sau 5 phút và không cần phải ký hợp đồng giấy.

Phân tích dữ liệu: DSC cũng dành rất nhiều nguồn lực cho việc tổ chức và hoàn thiện hệ thống, nền tảng quản lý dữ liệu, phát triển các công nghệ mới trong việc sử dụng phân tích dữ liệu để đồng hành cùng khách hàng trong suốt hành trình đầu tư, hỗ trợ khách hàng trên hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng. Bên cạnh đó DSC áp dụng công nghệ cao về phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo: Các thông tin được thu thập, lưu trữ và được quản trị trên các nền tảng BI và AI với độ giàu dữ liệu ngày càng tăng thêm là nhiệm vụ cốt lõi về công nghệ của công ty.

Dựa trên kinh nghiệm tích lũy nhiều năm cùng kỹ thuật cao, DSC đã ra mắt Công cụ tư vấn đầu tư Wetrade (website: wetrade.dsc.com.vn) - kênh chuyên sâu về cổ phiếu và thị trường của DSC đã đi vào hoạt động và trở thành công cụ tra cứu hàng đầu cho mọi nhà đầu tư.

■ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

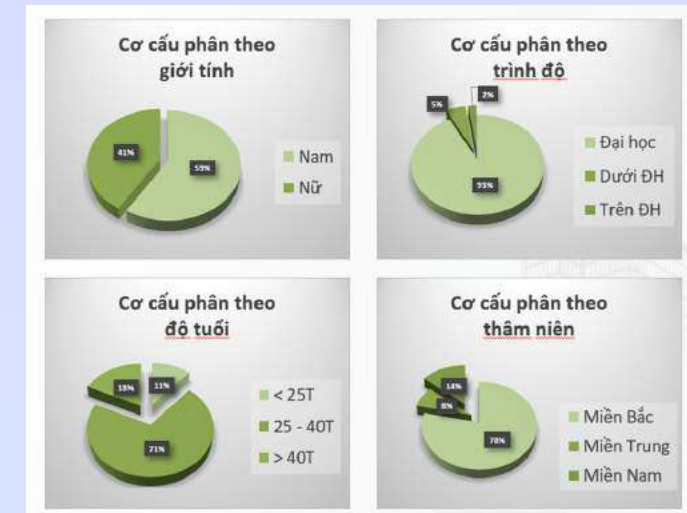
Công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro của DSC chú trọng thực hiện, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các Phòng/Bộ phận trên để đảm bảo thực hiện đúng các chức năng giám sát thường xuyên, đảm bảo an toàn hệ thống.
- Sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro gồm: Quy định quản lý rủi ro trong Công ty; Quy trình quản lý rủi ro về hoạt động cho vay trong giao dịch chứng khoán; Quy định về kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, nhận diện sớm rủi ro và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro.
- Kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh của các đơn vị và hoạt động của các nghiệp vụ theo chương trình, kế hoạch, chuyên để được phê duyệt định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

■ TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Tính đến 31/12/2022, tổng số nhân sự toàn hệ thống là 172 người (Hội sở: 94 nhân sự, Phòng Giao dịch: 41 nhân sự, Chi nhánh Đà Nẵng: 13 nhân sự, Chi nhánh HCM: 24 nhân sự).

Cơ cấu nhân sự:



Biến động nhân sự 2022:



4. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

4.1. Triển vọng năm 2023: “RÒNG LIỆU CÓ VƯỢT MÂY”

Xu hướng vĩ mô

ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG 2023

Năm 2023 được xem là năm khó dự báo với nhiều ẩn số đến từ nội tại trong nước và các yếu tố kinh tế chính trị đến từ thị trường quốc tế. Ở một góc nhìn thực tế, con số tăng trưởng có lẽ sẽ không mang màu sắc giống như năm 2022 nhưng vẫn có một vài “điểm nhấn” khiến cho bức tranh toàn cảnh không còn quá “u ám”.

Tỷ giá tiếp tục neo ở biên độ phù hợp, tạo điều kiện cho sản xuất và dịch vụ

Năm 2023 với kỳ vọng Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) giảm tốc độ tăng lãi suất và cán cân thanh toán được cải thiện sẽ góp phần khiến cho tỷ giá USD/VND neo ở biên độ an toàn mặc dù nhiều khả năng tình hình xuất khẩu chưa có nhiều cải thiện.

Đồng thời, việc cán cân vãng lai được cải thiện cùng các chính sách điều hành linh hoạt của NHNN, bao gồm bổ sung và bán dự trữ ngoại hối, nới rộng biên độ tỷ giá, nâng lãi suất VND, hút bớt VND qua kênh tín phiếu,... sẽ giúp vượt qua các “cú sốc tỷ giá” trong 2023. Một nhân tố khác cũng sẽ góp phần vào ổn định tỷ giá là lượng kiều hối về Việt Nam được dự báo sẽ tăng từ 3,6 – 4,5%

trong năm nay, tương đương với khoảng 1 tỷ USD theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Hợp tác quốc tế về người di cư.



Nguồn: FiinPro, <https://tradingeconomics.com/>

Cơ hội của nền kinh tế khi Trung Quốc mở cửa

Kể từ Tháng 11/2022, Trung Quốc đã bắt đầu nới lỏng hoàn toàn các chính sách COVID-Zero, mở cửa lại nền kinh tế, từ đó dẫn đến một số cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam.

Trung Quốc mở cửa sẽ đẩy mạnh nguồn thu phát triển ngành dịch vụ, du lịch. Mặc dù tỷ trọng của du lịch chỉ chiếm 4,4% GDP giai đoạn trước đại dịch nhưng đây là ngành có ảnh hưởng quan trọng tới thị trường việc làm trong nước. Trong đó, thị trường việc làm không chính thức liên quan đến du lịch, đặc biệt thuộc lĩnh vực nhà hàng chiếm 83%. Do vậy, việc Trung Quốc mở cửa sẽ là triển vọng tươi sáng hơn cho hoạt động du lịch cũng như vận tải hành khách khi 30% tỷ trọng khách du lịch quốc tế là người Trung Quốc.

Đây cũng là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 tại Việt Nam, nên việc dỡ bỏ một số cách chính sách phòng dịch và phong tỏa sẽ kích thích nhu cầu tiêu thụ hàng Việt Nam cũng như hàng hóa trong nước không còn phải trải qua những kiểm tra nghiêm ngặt trong đại dịch.

Không chỉ tác động tích cực đến du lịch, dịch vụ và xuất khẩu, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam cũng được hưởng lợi từ xu hướng nói trên. Việc Trung Quốc mở cửa trở lại sẽ hỗ trợ đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam do:

- Trung Quốc mở cửa sẽ khiến nhu cầu quốc gia này tăng cao, từ đó đẩy mạnh nhu cầu cho hàng xuất khẩu từ Việt Nam (chủ yếu là điện thoại, máy tính, máy móc, linh kiện do các doanh nghiệp FDI sản xuất)
- Việt Nam có nhiều chính sách hỗ trợ FDI, chi phí nhân công rẻ (chỉ ~1/3 chi phí lao động Trung Quốc), và chi phí thuê nhà xưởng rẻ
- Trung Quốc mở cửa sẽ cải thiện chuỗi cung ứng, khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu, từ đó hỗ trợ các doanh nghiệp, mà cụ thể hơn là các doanh nghiệp FDI, đẩy mạnh đầu tư và sản xuất.

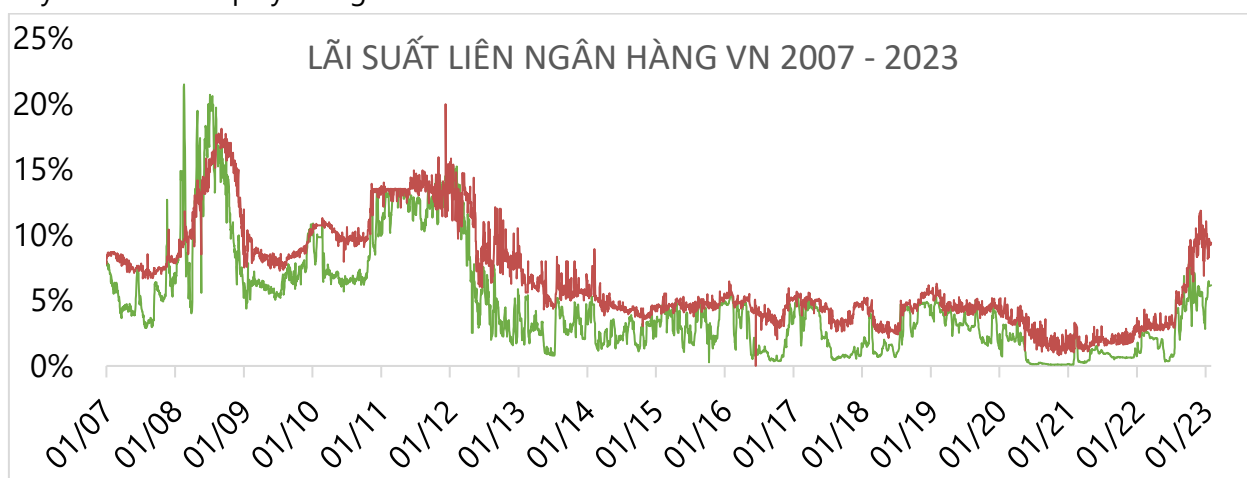
Đầu tư công - công cụ tài khóa thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế

Đầu năm 2023, Quốc hội đã phê duyệt cho kế hoạch vốn đầu tư khu vực nhà nước ở mức 700 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2022. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của cả nước năm

2022 ước chỉ đạt 80,63% kế hoạch, điều này sẽ đè nặng và khiến áp lực giải ngân trong năm 2023 là rất lớn từ hàng loạt các dự án mới sắp được triển khai. Do vậy, các dự án trọng điểm như Giai đoạn hai của cao tốc Bắc Nam, sân bay Long Thành, đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh và vành đai 4 ở Hà Nội sẽ là động lực lớn để tăng cầu và thúc đẩy dòng chảy về vốn trong nền kinh tế.

Kỳ vọng mặt bằng lãi suất tạo đỉnh trong nửa đầu 2023

Có nhiều tín hiệu để cho thấy lãi suất đã tạo đỉnh. Những tháng đầu 2023, lãi suất huy động của nhiều NH đã đồng loạt giảm. Vượt qua áp lực mang tính mùa vụ đầu năm, lãi suất đã có dấu hiệu hạ nhiệt và thanh khoản đã cải thiện tích cực hơn rất nhiều. Xét trong bối cảnh lớn, dư địa tăng lãi suất của FED không còn quá nhiều trong khi chỉ số Đồng Dollar Mỹ (DXY) cũng đã giảm hơn 10% từ đỉnh khiến áp lực tỷ giá cũng đã vơi bớt phần nào. Do đó, dưới bối cảnh lạm phát vẫn đang được kiểm soát ổn định, xác suất để NHNN tăng lãi suất trong thời gian tới là khá thấp. Tuy vậy, lãi suất có khả năng sẽ tiếp tục neo ở mức cao trong nửa đầu năm nay cho đến khi quay đầu giảm vào nửa cuối năm.



Nguồn: FiinPro, <https://tradingeconomics.com>

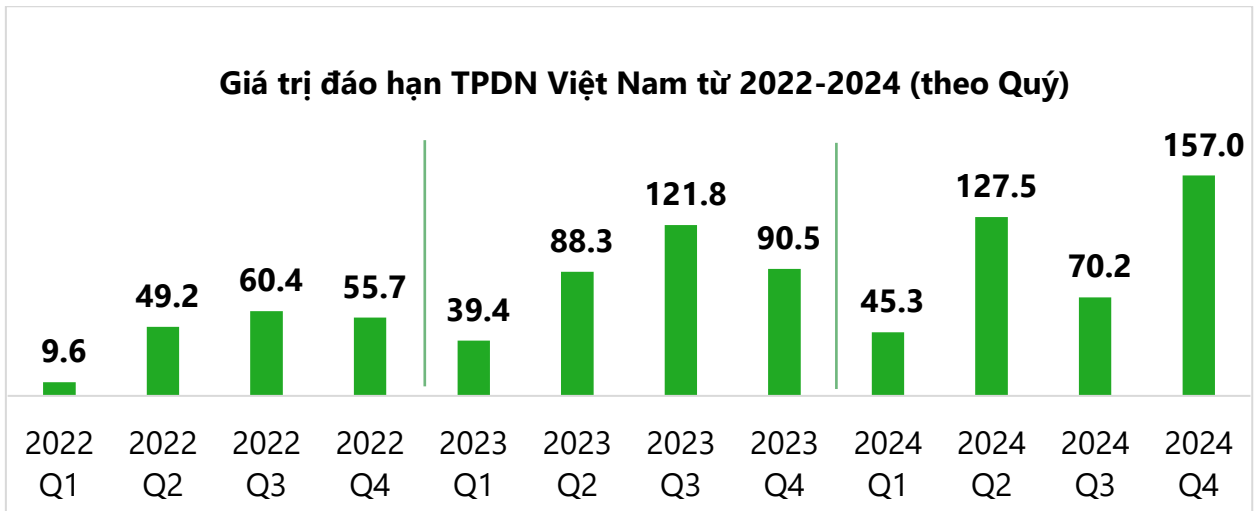
RỦI RO TIỀM ẨN

- Áp lực lạm phát

Việc tỷ giá USD/VND vẫn đang neo ở mức cao sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình giá cả trong nước mặc cho giá nguyên vật liệu cơ bản đang có xu hướng hạ nhiệt sau đợt tăng mạnh năm 2022. Một số cấu phần của rổ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) như giá cho thuê nhà, giá điện một số dịch vụ công thiết yếu vẫn tiếp tục tăng khiến cho đà kiềm chế lạm phát bị chậm lại. Đồng thời, việc Quốc hội đã chính thức thông qua việc tăng mức lương cơ sở kể từ 01/07/2023 sẽ phần nào khiến cho áp lực lạm phát gia tăng. Đặc biệt, mặc dù giá nguyên vật liệu cơ bản có xu hướng hạ nhiệt, tuy nhiên, do tỷ giá đồng USD vẫn ở mức cao vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến trong nước cho đến ít nhất là giữa năm 2023.

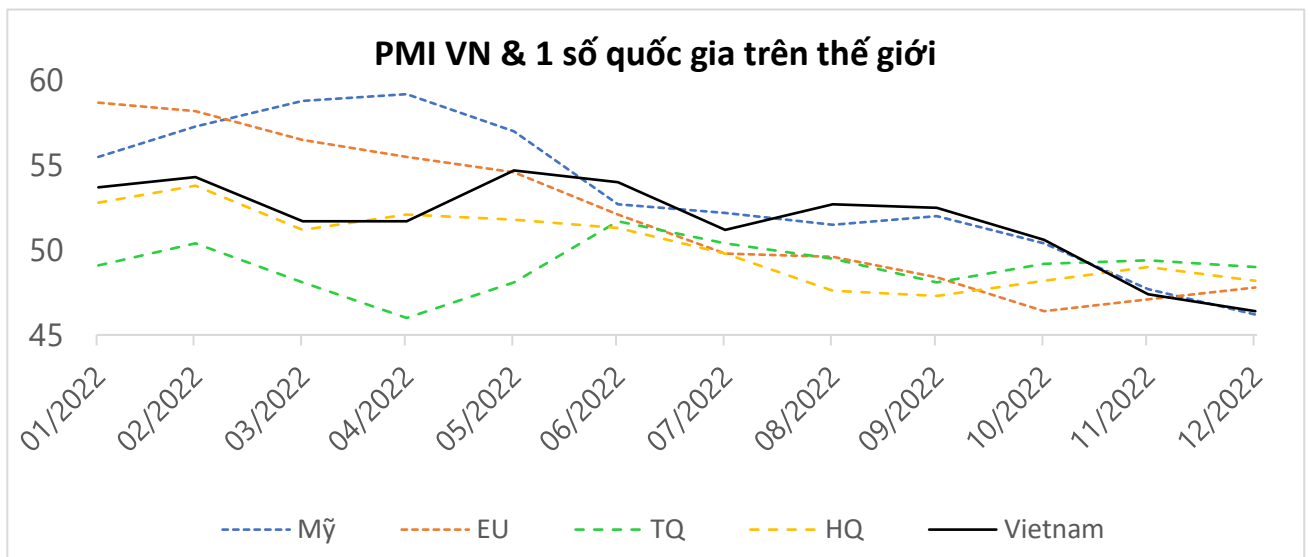
- Thách thức từ thị trường Bất động sản đóng băng và gỡ rối dòng tiền cho doanh nghiệp

Năm 2023 lượng vốn trái phiếu đáo hạn được ước tính lên đến 284.000 tỷ đồng. Điều này dẫn đến sức ép thanh toán các khoản trái phiếu khiến cho một số doanh nghiệp mất khả năng trả lãi và gốc trái phiếu. Dòng vốn bị tắc nghẽn khiến cho thị trường Bất động sản bị đình trệ, hệ quả tiêu cực với các ngành khác như vật liệu xây dựng, xây lắp, sản xuất công nghiệp sắt thép. Xa hơn là những lo ngại về rủi ro của hệ thống, lan sang cả hệ thống ngân hàng, và toàn bộ thị trường tài chính khi chưa có những chính sách mang tính "gỡ rối" cho dòng tiền của doanh nghiệp.



Nguồn: TTCK, DSC Research

- Động lực xuất khẩu suy giảm



Nguồn: TTCK, DSC Research

Xuất khẩu khó có thể tiếp tục đà tăng trưởng mạnh như hai năm vừa qua khi nhu cầu tiêu dùng của thế giới đang có xu hướng suy yếu bất chấp cho việc Trung Quốc mở cửa nền kinh tế. Chỉ số PMI có xu hướng đi xuống dưới mức 50, đặc biệt là tháng 11-12/2022 và thậm chí tháng 1/2023 (tháng tết). Điều này cho thấy lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đang trên đà suy thoái, đơn hàng giảm, sản xuất giảm, việc làm giảm và đặc biệt là niềm tin giảm. Sự giảm sút sức mua, giảm các đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam bao gồm Trung Quốc, EU và Mỹ.

Bên cạnh đó, những chính sách hỗ trợ cho sự phục hồi của nền kinh tế khác như chính sách tiền tệ cũng đang khó có dư địa để triển khai trong năm nay khi mà lạm phát vẫn có khả năng trên mức trên 4% cũng như áp lực từ việc FED vẫn tiếp tục có một vài đợt tăng lãi suất nữa trong năm 2023. Doanh nghiệp hiện đang phải đối mặt với thiếu hụt vốn nghiêm trọng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong bối cảnh lãi suất tăng cao và room tín dụng thắt chặt cuối năm 2022 sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến động lực xuất khẩu.

Các nước duy trì mở cửa mặc cho số ca nhiễm tăng mạnh (Mỹ, EU)

Xu hướng ngành: CUỘC CHUYỂN ĐỔI TỪ MÔI GIỚI TRUYỀN THỐNG SANG DỊCH VỤ TIỆN ÍCH DẠNG SỐ HÓA.

Chuyển đổi số hiện tại đang là mục tiêu mà nhiều công ty chứng khoán theo đuổi khi biên lợi nhuận của mảng môi giới truyền thống có xu hướng co hẹp. Nhu cầu của khách hàng ngày càng cao trong việc xử lý giao dịch và đối tượng nhà đầu tư có xu hướng trẻ hóa khiến cho những sản phẩm về công nghệ với trải nghiệm dịch vụ tốt dễ dàng được ưa thích trên thị trường. Do vậy, xu hướng tư vấn không chỉ gói gọn ở những môi giới truyền thống mà còn đang được nghiên cứu mở rộng phát triển sang mảng e – broking, môi giới online dựa trên ứng dụng các phần mềm, robot, các nền tảng công nghệ để phân tích, lọc cổ phiếu tùy theo thị hiếu của khách hàng.

Tóm lại, thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới sẽ được đón nhận nhiều sản phẩm mới, với yêu cầu việc xử lý giao dịch của khách hàng phải nhanh chóng và có quy mô lớn hơn.

TRIỂN VỌNG NGÀNH CHỨNG KHOÁN NĂM 2023

Năm 2023 với khối lượng dư nợ trái phiếu “khủng” sắp đáo hạn, khả năng phát hành thêm đảo nợ rất khó khăn vì thị trường trái phiếu đã đánh mất niềm tin từ đại đa số nhà đầu tư. Và đây sẽ là một nhân tố khiến thị trường khó có khả năng bứt phá.

Áp lực từ thị trường trái phiếu khiến thị trường chứng khoán bị vạ lây trong năm 2022, nhưng ít nhất điều đó cũng làm giảm dần áp lực cho các năm kế tiếp. Sau giai đoạn thanh lọc tàn khốc nhất, thị trường sẽ rút ra bài học. Lớp nhà đầu tư F0 trên thị trường chứng khoán giai đoạn 2020-2022 bị thanh lọc và những ai tồn tại được sẽ trưởng thành.

Năm 2023 tuy khó có triển vọng về một sự tăng trưởng vượt trội nào nhưng đây là một năm bản lề, giúp củng cố thị trường vững vàng để sẵn sàng tiến tới những đỉnh cao hơn trong tương lai.

4.2. Kế hoạch hành động năm 2023

Với định hướng trở thành một thương hiệu mạnh và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, DSC đã và đang nỗ lực mở rộng quy mô cũng như chất lượng dịch vụ tới tay khách hàng. Công ty luôn đặt ra những kế hoạch thực tế và phân bổ nguồn lực hợp lý để hoàn thành nhiệm vụ, từ đó từng bước đạt được các mục tiêu trên chặng đường phát triển lâu dài.

Để hoàn thành những mục tiêu đó, DSC xác định các mảng kinh doanh trọng yếu của Công ty và chú trọng đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực, công nghệ, nâng cao quy trình thực hiện, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng đầu ra dịch vụ để tối ưu hóa lợi ích cổ đông và khách hàng. Đồng thời, đối với các mảng hỗ trợ, DSC cũng chủ động cải tiến để tối ưu hóa chi phí mà vẫn mang lại hiệu quả cao.

Kế hoạch kinh doanh năm 2023

Căn cứ vào các nhận định thị trường, Ban Tổng Giám đốc đặt ra mục tiêu Kế hoạch kinh doanh trong năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng

2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng

4.3. Phát triển nguồn nhân lực

Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển kinh doanh, mở rộng quy mô nhân sự đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, DSC cũng xây dựng các kế hoạch để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bắt kịp với xu thế của cách mạng 4.0 như:

- Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên môn nội bộ do chính cán bộ quản lý đào tạo và các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ nội bộ/ thuê ngoài.
- Nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn nhân sự làm nghề, tư vấn: 100% nhân sự tư vấn, môi giới và nhân sự nghiệp vụ liên quan có chứng chỉ hành nghề.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ nhân sự nòng cốt.
- Đón đầu tuyển dụng nhân sự tại các trường đại học, trẻ hóa đội ngũ nhân sự với tinh thần, nhiệt huyết của tuổi trẻ đam mê học hỏi, sáng tạo.
- Thực hiện số hóa công tác quản trị nhân lực: áp dụng phần mềm nhân sự.
- Thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan đến người lao động.

4.4. Phát triển công nghệ

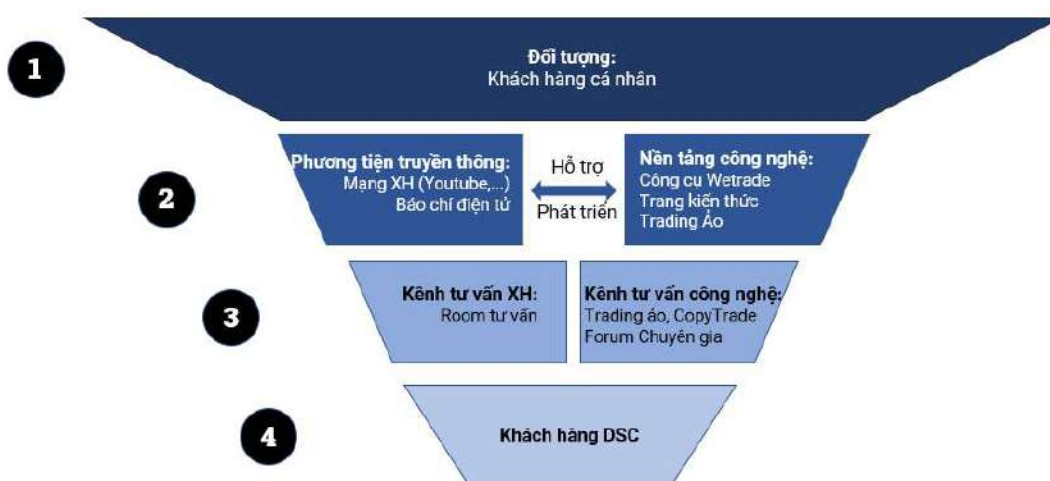
Hướng tới 2023, lộ trình phát triển CNTT của DSC được định hướng theo khía cạnh: Nhanh chóng tiếp cận thị trường, hỗ trợ giao dịch, phát triển khách hàng và dịch vụ mới, bảo mật thông tin, phân tích thông tin và tự động hóa, cụ thể:

- **Hỗ trợ giao dịch:** Cung cấp các thông tin và công cụ để khách hàng có thể tự nghiên cứu và ra quyết định.
- **Phát triển khách hàng và dịch vụ mới:** Hướng tới tự động hóa tối đa quy trình tương tác khách hàng. Xây dựng hệ thống toàn diện Quản lý khách hàng (CRM) cho Dịch vụ khách hàng
- **Tăng tốc độ giao dịch:** Toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, từ vị trí đặt máy chủ và thiết bị lưu trữ cho tới kênh truyền tới các Sở giao dịch chứng khoán sẽ được rà soát và cải tiến để giảm độ trễ giao dịch về mức tối thiểu, mở rộng các nền tảng giao dịch lõi hiện tại để có khả năng đáp ứng số lượng lớn giao dịch tới các Sở giao dịch Chứng khoán với độ trễ thấp nhất.
- **Bảo mật thông tin:** Đây là một trong các mục tiêu trọng yếu, Công ty không ngừng cung cấp các dịch vụ trực tuyến tiện lợi nhất cho khách hàng đồng thời đảm bảo an ninh thông tin. Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào an ninh bảo mật thông tin cả về hạ tầng, công nghệ lẫn con người để đáp ứng yêu cầu, đảm bảo các giao dịch của khách hàng an toàn và tin cậy.
- **Sẵn sàng cho hệ thống lõi KRX mới của Sở giao dịch Chứng khoán:** Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ và hệ thống để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kết nối tới Sở giao dịch Chứng khoán. Bên cạnh đó, tiếp tục chuẩn bị cho các sản phẩm/dịch vụ

tài chính mới sẵn sàng cung cấp cho khách hàng khi hệ thống lõi KRX mới chính thức đi vào hoạt động.

- **Phân tích thông tin và trí tuệ nhân tạo:** Tập trung xây dựng năng lực tổ chức thông tin - lưu trữ thông tin và hoàn thiện hệ thống, nền tảng quản lý dữ liệu, phát triển công nghệ mới trong việc phân tích dữ liệu để hỗ trợ khách hàng và đội ngũ DSC liên tục nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh theo điều kiện thị trường.
- **Tự động hóa tối đa các công việc để tối ưu và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành:** Áp dụng công nghệ để tối ưu và tự động hóa các quy trình, các tác vụ lặp đi lặp lại.

4.5. Phát triển khách hàng (E-BROKING)



- **E-broking chủ yếu hướng tới đối tượng khách hàng cá nhân, với một số đặc điểm:**
 - Độ tuổi: 18-40 tuổi
 - Giá trị tài khoản giao dịch ước tính: 100 triệu – 2 tỷ đồng
 - Tính cách: Trẻ trung năng động, thành thạo công nghệ, có thể ưa thích sử dụng mạng xã hội
- **E-broking sử dụng nền tảng mạng xã hội nhằm tiếp cận khách hàng, như:**
 - Youtube: Kênh livestream tư vấn Online, Kênh talkshow chủ đề đầu tư, Kênh cộng đồng
 - Facebook: Fanpage DSC, Cộng đồng D80 với nhiều KOLs
 - Website: Các báo cáo phân tích
 - Báo chí: Các chuyên gia, bài báo đăng tải trên CafeF, Báo Đầu tư...
- **E-broking liên tục phát triển và cải tiến nền tảng công nghệ, bao gồm:**
 - Trang kiến thức: Các bài viết, bài kiến thức cơ bản cho đối tượng NĐT mới bắt đầu
 - Công cụ Wetrade: Đánh giá cổ phiếu tự động, Bộ lọc cổ phiếu, Định lượng thị trường, ... dành cho đối tượng đã tham gia thị trường và có nhu cầu được tư vấn nâng cao.
 - Công cụ Trading ảo: Giao dịch ảo cổ phiếu trên sàn
 - Forum: Cộng đồng cho người mới đầu tư, theo dõi quan điểm của các KOLs của DSC và của KOLs toàn thị trường.

- **E-broking sử dụng hai kênh tư vấn miễn phí cho KH:** mục tiêu chuyển dịch từ đối tượng theo dõi các nền tảng mạng xã hội và công nghệ thành khách hàng của DSC
 - Kênh tư vấn Zalo miễn phí: Mọi đối tượng khách hàng đều có thể tham gia với nội dung cập nhật báo cáo phân tích, video và livestream phân tích
 - Kênh tư vấn công nghệ: Mọi đối tượng khách hàng đều có thể sử dụng các sản phẩm phân tích cơ bản, gồm:
 - ✓ WeTrade: Công cụ tự động phân tích thị trường, đánh giá cổ phiếu, bộ lọc cổ phiếu
 - ✓ Trading ảo: Giao dịch ảo cổ phiếu trên sàn, được tư vấn bởi danh mục đầu tư mẫu từ DSC
 - ✓ Forum: Các chuyên gia của DSC tư vấn khách hàng thông qua các bài viết thể hiện quan điểm đầu tư.

4.6. Chiến lược đầu tư thị trường vốn

Năm 2023, các hoạt động huy động vốn, niêm yết và mua bán – sáp nhập (M&A) được kỳ vọng sẽ sôi động trở lại khi nền kinh tế nói chung và TTCK nói riêng bắt đầu có những dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng và suy thoái. DSC sẽ tiếp tục bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên môn hóa đội ngũ để nâng cao năng lực tư vấn, khả năng tiếp cận, thấu hiểu khách hàng, hướng tới cung cấp các giải pháp toàn diện nhất, tối ưu hóa lợi ích khách hàng.

- **Đối với mảng thị trường vốn,** DSC tập trung vào việc dự đoán tiềm năng và tìm kiếm cơ hội trên thị trường, tập trung vào các hoạt động tư vấn chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, tư vấn huy động vốn thông qua phát hành riêng lẻ niêm yết, chào bán cho các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, M&A...
- **Đối với mảng thị trường nợ,** DSC tập trung vào việc dự đoán tiềm năng và cập nhật thông tin thị trường, tìm kiếm cơ hội huy động vốn trên thị trường nợ cho khách hàng thông qua phát hành trái phiếu, tư vấn các khoản vay phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

5. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

5.1. Báo cáo của HĐQT

Các hoạt động chung

Trong năm 2022, HĐQT Công ty họp 27 cuộc họp nhằm đảm bảo tuân thủ nhiệm vụ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Chủ trì và chỉ đạo thành công các cuộc họp ĐHĐCD thường niên và bất thường nhằm đáp ứng kịp thời chủ trương, kế hoạch của Công ty
- Phân cấp/phân quyền, giao việc cho Chủ tịch HĐQT nhằm giảm bớt khối lượng công việc cho HĐQT đối với một số vụ việc mang tính hành chính, sự vụ, diễn ra thường xuyên, ổn định, nhằm mục đích để HĐQT tập trung thời gian hơn vào việc hoạch định chính sách, chủ trương và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện các NQ ĐHĐCĐ, và NQ HĐQT đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của BGD trong hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị có một số sự thay đổi nhân sự. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị vẫn luôn cố gắng phối hợp hoạt động nhằm đạt được những kế hoạch đề ra.

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 27 cuộc họp và chỉ đạo kịp thời các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	01/2022/NQ-HĐQT/DSC	06/01/2022	Thay đổi địa chỉ Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty
2	03/2022/NQ-HĐQT/DSC	14/02/2022	Phê duyệt điều chỉnh phân quyền trong hoạt động kinh doanh nguồn vốn tại DSC
3	04/2022/NQ-HĐQT/DSC	16/02/2022	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc
4	05.1/2022/NQ-HĐQT/DSC	17/02/2022	Phê duyệt hạn mức dư nợ cho vay ký quỹ đến 30/06/2022
5	06/2022/NQ-HĐQT/DSC	24/02/2022	Phê duyệt lựa chọn Nhà cung cấp trúng gói thầu mua sắm Đầu tư Hạ tầng trang thiết bị/Server cho Dự án Hệ thống Công nghệ thông tin DSC
6	05/2022/NQ-HĐQT/DSC	28/02/2022	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
7	07/2022/NQ-HĐQT/DSC	4/3/2022	Cung cấp Dịch vụ ứng trước tiền bán Chứng khoán
8	08/2022/NQ-HĐQT/DSC	24/3/2022	Nội dung tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
9	09/2022/NQ-HĐQT/DSC	15/04/2022	Phê duyệt Dự toán Công trình Phòng Giao dịch Hàm Long
10	10/2022/NQ-HĐQT/DSC	25/04/2022	Phê duyệt thành lập Phòng Giao dịch Hàm Long
11	11/2022/NQ-HĐQT/DSC	12/05/2022	Bổ nhiệm và Miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty
12	12/2022/NQ-HĐQT/DSC	31/05/2022	Phê duyệt Danh mục Chứng khoán được Giao dịch ký quỹ (từ 01/06/2022)
13	13/2022/NQ-HĐQT/DSC	10/06/2022	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027
14	14/2022/NQ-HĐQT/DSC	24/06/2022	Ban hành Bảng phân cấp Thẩm quyền trong việc tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Công ty

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung
15	15/2022/NQ-HĐQT/DSC	21/07/2022	Phê duyệt thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh
16	16/2022/NQ-HĐQT/DSC	03/08/2022	Phê duyệt Tổng dự toán Công trình Chi nhánh Hồ Chí Minh
17	17/2022/NQ-HĐQT/DSC	18/08/2022	Phê duyệt phương án mua TP TBond
18	18/2022/NQ-HĐQT/DSC	19/08/2022	Phê duyệt phương án bán TP TBond
19	18.1/2022/NQ-HĐQT/DSC	03/09/2022	Phê duyệt Tổng hạn mức dư nợ cho vay kỹ quỹ đến 31/12/2022
20	19/2022/NQ-HĐQT/DSC	18/10/2022	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022
21	20/2022/NQ-HĐQT/DSC	19/10/2022	Phê duyệt phương án huy động vốn, chuyển Datacenter về Hà Nội và chủ trương đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất của Công ty
22	20/2022/NQ-HĐQT/DSC	24/10/2022	Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp DHDCD bất thường lần 1
23	21/2022/NQ-HĐQT/DSC	19/10/2022	Phân cấp thẩm quyền đối với Chi nhánh Hồ Chí Minh
24	28/2022/NQ-HĐQT/DSC	25/11/2022	Phê duyệt danh mục chứng khoán được Giao dịch ký quỹ Quý 4/2022
25	29/2022/NQ-HĐQT/DSC	12/12/2022	Triển khai Phương án phát hành quyền mua cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng
26	30/2022/NQ-HĐQT/DSC	13/12/2022	Thông qua Hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
27	30.1/2022/NQ-HĐQT/DSC	21/12/2022	Phê duyệt điều chỉnh DM chứng khoán giao dịch Quý 4 năm 2022

Các cuộc họp HĐQT đều được diễn ra theo đúng trình tự, thủ tục quy định và có sự tham gia đầy đủ 100% tổng số thành viên, cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đức Anh	CT HĐQT	27/27	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	TV HĐQT	27/27	100%	
3	Ông Vũ Nhật Lâm	TV HĐQT	25/27	100%	Lý do cá nhân

4	Ông Bạch Quốc Vinh	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	18/27	100%	Bổ nhiệm từ ngày 20/04/2022
5	Bà Nguyễn Thị Bích Hà	TVHĐQT	07/27	100%	Miễn nhiệm từ ngày 20/04/2022

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Nhìn về những kết quả của năm 2022, HĐQT đề cao vai trò của Ban Tổng Giám đốc trong các thành quả đạt được của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của HĐQT, góp phần mang lại lợi ích cho Công ty và toàn thể cổ đông, tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2022, HĐQT tiếp tục nâng cao hoạt động giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, đồng thời, giành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2023

Trong năm 2023, HĐQT sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc đạt được những mục tiêu lớn của nhiệm kỳ 2019 - 2023 là:

1. Xây dựng DSC ngày càng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn, và trở thành một công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn và có uy tín trên thị trường chứng khoán.
2. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo bản lĩnh và chuyên nghiệp, đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Việc triển khai các mục tiêu trên cho năm 2023 sẽ bao gồm các kế hoạch sau:

1. Hoàn thành việc tăng vốn lên 2.000 tỷ nhằm có nguồn vốn đầy mạnh hoạt động kinh doanh
2. Tiếp tục hoàn thiện việc áp dụng phần mềm tiên tiến để đảm bảo năng suất, chất lượng, và nâng cao hiệu quả quản trị.
3. Áp dụng công nghệ nhiều hơn trong các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho Khách hàng.

5.2. Báo cáo của Ban Kiểm soát

Hoạt động chung

BKS đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ đã được ghi rõ tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, bao gồm việc kiểm tra tính hợp lý, tuân thủ quy chế, điều lệ của các hoạt động kinh doanh, kiểm tra các BCTC năm 2022.

Hoạt động giám sát đối với Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện chức năng của mình, BKS còn dành thời gian tham gia phiên họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu như:

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Hoạt động của HĐQT Công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật,

Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của HĐQT, tích cực triển khai việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Trực tiếp đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty, nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc.

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và BKS

Chế độ lương, thưởng, thù lao của các thành viên trong HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với chính sách lương thưởng của Công ty.

Đánh giá hoạt động của BKS

Thay đổi nhân sự của Ban Kiểm soát trong năm: Không có

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Loại thực hiện	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
Trần Minh Toàn - Kế toán trưởng	Bán cổ phiếu	0	Không thuộc trường hợp phải C theo Thông tư 96/2020/TT-BTC
Đỗ Thị Hường (Vợ của Ông Trần Minh Toàn - Kế toán trưởng)	Bán cổ phiếu	0	Không thuộc trường hợp phải C theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có

5.4. Quan hệ nhà đầu tư

Thông tin cổ phiếu

Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã phát hành 100.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

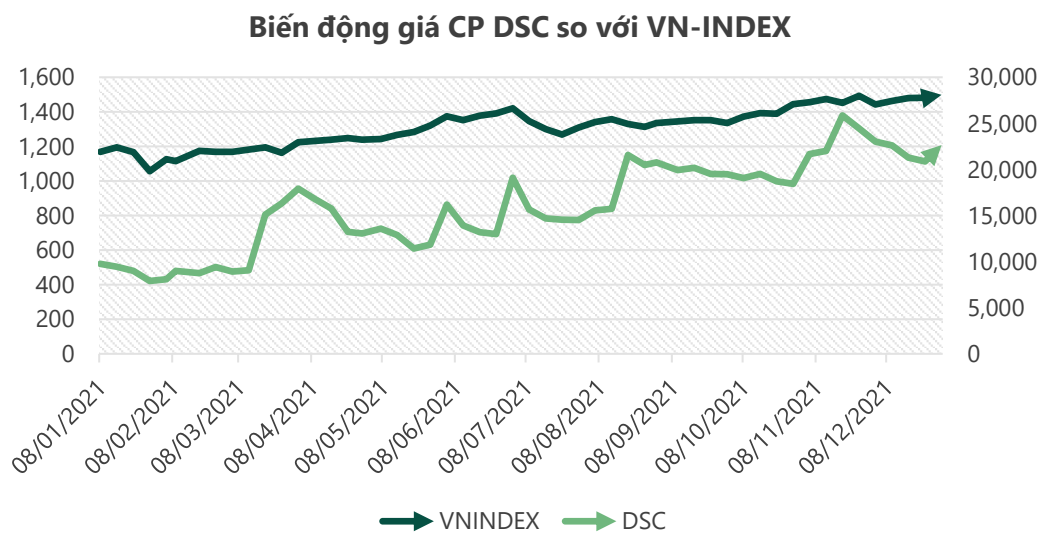
- Số cổ phiếu phổ thông : 100.000.000 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi : 0 cổ phiếu.
- Số cổ phần đang lưu hành : 100.000.000 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 6.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 70.000.000 cổ phần (Tháng 8/2021, Công ty hoàn tất việc chào bán riêng lẻ 94.000.000 cổ phiếu phổ thông. Cụ thể như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu (CP)	Ngày kết thúc hạn chế chuyển nhượng
1	Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	70.000.000	16/8/2024
2	Văn Lê Hằng	10.025.000	30/08/2022
3	Lê Thị Thu Hằng	4.900.000	22/10/2022
4	Nguyễn Mai Hậu	4.750.000	23/08/2022
5	Trần Thị Thu Nga	4.325.000	23/08/2022

(Theo Danh sách cổ đông ngày 20/03/2022 do VSD cung cấp)

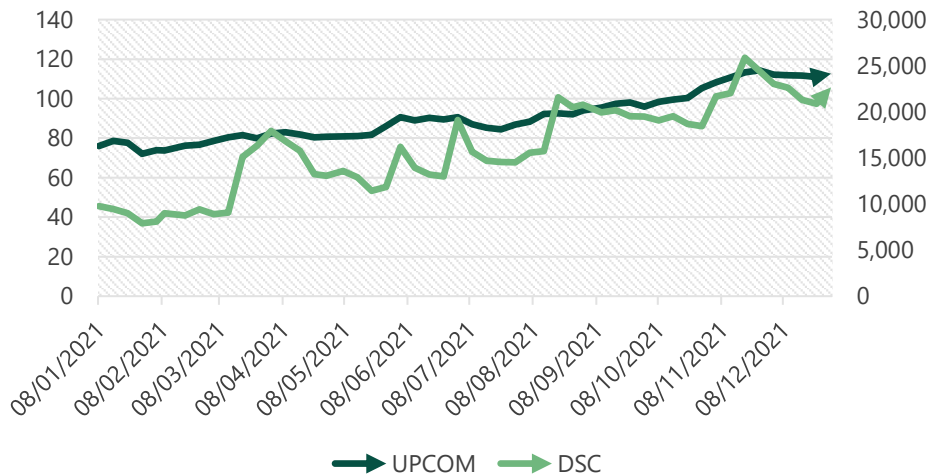
- Mệnh giá cổ phiếu: **10.000 đồng/cổ phiếu**

Biến động của cổ phiếu DSC trong năm



Nguồn: FiinPro.

Biến động giá CP DSC so với UPCOM Index



Nguồn: FiinPro.

	VNINDEX	UPCOM	DSC
Giá đầu năm	1.114	74	8.500
Giá cuối năm	1.498	113	22.500
Giá thấp nhất	998	68	7.500
Giá cao nhất	1.512	115	28.900
Biến động giá cuối năm so với đầu năm (%)	35%	51%	165%
Biến động giá cao nhất so với thấp nhất (%)	51%	70%	285%
Khối lượng giao dịch trung bình trong năm (tỷ đồng)	21.729,10	1.699,00	0,67

Nguồn: FiinPro.

5.5. Quản trị rủi ro

Trên cơ sở tham khảo các quy chuẩn quốc tế và đánh giá toàn diện, DSC xác định các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

❖ Rủi ro về kinh tế

- Rủi ro kinh tế đối với DSC nói riêng và với các Công ty chứng khoán nói chung là các rủi ro chủ yếu đến từ sự tăng trưởng kinh tế; biến động lãi suất, lạm phát, tỉ giá.
- Giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư được đánh giá lại dựa trên giá thị trường. Khi yếu tố kinh tế thay đổi, giá chứng khoán đều sẽ thay đổi để phản ánh thông tin đó, dẫn đến giá trị danh mục cổ phiếu biến động theo và ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Các giao dịch của DSC đều bằng đồng Việt Nam, không đầu tư và thanh toán bằng vàng hay ngoại tệ nên DSC không bị ảnh hưởng từ rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái.

❖ Rủi ro pháp lý

Là một công ty chứng khoán hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và có cổ phiếu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán, DSC chịu tác động đáng kể bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài ra, DSC cũng chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Kế toán, Luật Phòng chống rửa tiền, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các luật khác có liên quan. Chính vì vậy luôn tồn tại rủi ro do các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc do có sự thay đổi mà DSC cập nhật không kịp thời.

❖ Rủi ro đầu tư

DSC hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó đầu tư tự doanh là một trong những nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty. Để hạn chế rủi ro đầu tư, DSC đã thành lập Khối phân tích độc lập nhằm đánh giá mức độ rủi ro của các dự án đầu tư, các khoản giao dịch tự doanh, cũng như đánh giá giá trị danh mục thường xuyên để có thể kịp thời thay đổi chiến lược, kế hoạch và đưa ra biện pháp hạn chế tối đa các rủi ro có thể gặp phải.

❖ Rủi ro thị trường

- Các biến động trên thị trường chứng khoán có thể sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của DSC. Ví dụ như các phiên giảm liên tục của thị trường, hay hiệu ứng call margin hàng loạt xuất hiện đều dẫn đến các tổn thất nhất định cho hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và DSC nói riêng.
- Để hạn chế các rủi ro này, DSC thường xuyên thực hiện các nghiên cứu tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và Thị trường tài chính nói chung một cách toàn diện để thể dự đoán các xu hướng biến động của các yếu tố đó và ảnh hưởng, các kịch bản xảy ra đối với thị trường chứng khoán.

❖ Rủi ro hoạt động

- Rủi ro hoạt động là rủi ro thường xuyên xuất hiện với bất kỳ doanh nghiệp đang hoạt động, bởi rủi ro này gây ra bởi con người, sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống Công nghệ thông tin hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài.
- Để hạn chế các rủi ro này, Bộ phận Kiểm soát nội bộ tại DSC đều định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra việc tuân thủ quy trình các Phòng/Ban trong Công ty. Đồng thời, việc kiện toàn hệ thống Quy trình và hệ thống Công nghệ thông tin luôn là ưu tiên hàng đầu của DSC để bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng và các bên liên quan.

❖ Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, động đất, bão lụt... Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty.

6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

6.1. Mục tiêu phát triển bền vững

Thấu hiểu thông điệp của Liên Hợp Quốc đối với phát triển bền vững trên toàn thế giới và tại bối cảnh cụ thể tại Việt Nam, DSC không chỉ tập trung vào việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm cải thiện doanh thu và lợi nhuận mà còn chú trọng vào những mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm duy trì môi trường làm việc công bằng, bình đẳng cho các giới, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

Mục tiêu phát triển bền vững cụ thể của DSC

- Trở thành một thương hiệu mạnh và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Đóng góp vào sự phát triển tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và Châu Á nói chung, góp phần mang lại thanh khoản, tính minh bạch, sự an toàn và niềm tin của nhà đầu tư;
- Mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông;
- Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác;
- Tạo mọi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến công bằng cho cán bộ, nhân viên.
- Gắn mục tiêu kinh doanh của Công ty với các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan.

Mô hình quản trị phát triển bền vững

HĐQT	<ul style="list-style-type: none">▪ Chỉ đạo chung về chiến lược.▪ Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động.
Ban Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none">▪ Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT.▪ Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt.
Các Phòng/ban, cán bộ, nhân viên	<ul style="list-style-type: none">▪ Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của BTGD.▪ Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng.

Quy trình quản trị thông tin phát triển bền vững



6.2. Báo cáo phát triển bền vững năm 2022

Định hướng nhân sự

DSC xác định rằng: **“Nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty”**. Do vậy, song song với việc mở rộng quy mô nhân sự không ngừng, DSC luôn chú trọng đến việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, không gian làm việc mở để CBNV được thỏa sức sáng tạo và sẵn sàng cống hiến. Cơ hội tuyển dụng tại DSC luôn được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng, từ sinh viên mới ra trường đến những ứng viên có kinh nghiệm trên thị trường tài chính chứng khoán.

Kiên định với mục tiêu phát triển đội ngũ nhân sự làm nghề chuyên nghiệp với các chiến lược nhân sự để một mặt đáp ứng nguồn nhân lực ngắn hạn trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, đồng thời cũng xây dựng được thể hệ đội ngũ lãnh đạo kế cận trong tương lai bao gồm:

- Các chương trình đào tạo chuyên môn nội bộ do chính cán bộ quản lý đào tạo và các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ nội bộ/ thuê ngoài.
- Nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn nhân sự làm nghề, tư vấn: 100% nhân sự tư vấn, môi giới và nhân sự nghiệp vụ liên quan có chứng chỉ hành nghề.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ nhân sự nòng cốt.
- Đón đầu tuyển dụng nhân sự tại các trường đại học, trẻ hóa đội ngũ nhân sự với tinh thần, nhiệt huyết của tuổi trẻ đam mê học hỏi, sáng tạo.
- Thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan đến người lao động.

Chính sách nhân sự

DSC không những xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp mà còn xây dựng các chính sách ưu việt, hài hòa giữa lợi ích Công ty và người lao động:

- Được đào tạo và phát triển không ngừng: Bên cạnh quy trình tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, bài bản, đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong công tác tuyển dụng nhân sự phù hợp; DSC luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho Người lao động phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phục vụ công việc thông qua việc thiết kế các khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài cho từng cấp CBNV.
- Điều kiện làm việc: DSC đầu tư xây dựng CSVC các khu làm việc theo mô hình mở với trang thiết bị hiện đại, đảm bảo hỗ trợ tối đa nhu cầu làm việc của CBNV.
- Được đảm bảo về các quyền lợi, chính sách phúc lợi: ngoài việc tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan đến người lao động như chính sách tiền lương, BHXH, thuế TNCN, ... DSC còn triển khai các chương trình phúc lợi khác đối với Người lao động như: phụ cấp ăn trưa, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua gói bảo hiểm sức khỏe Bảo Việt cho CBNV chính thức,...
- Hoạt động văn hóa, gắn kết nội bộ: DSC luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động văn hóa gắn kết như: tổ chức các hoạt động du xuân, Teambuilding, YEP, chương trình 8/3, 20/10 gắn kết tại tất cả các văn phòng, chi nhánh,...

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương và xã hội, cổ đông

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI

LÀ THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU, CÓ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP VÀ CÁC HIỆP HỘI

Năm 2022, DSC tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Tham gia các hội thảo sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN và Hiệp hội đầu tư chứng khoán tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
- Tham gia tất cả các lần đóng góp ý kiến sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN, SGDCK, Hiệp hội đầu tư kinh doanh chứng khoán... yêu cầu trong đó có các văn bản quan trọng như dự thảo sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP về Quy định về chào bán, giao dịch trái

phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ...

- Đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, SGDCK, TTLKCKVN, VCCI, Bộ KH&ĐT....) và Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Hiệp hội trái phiếu... góp phần xây dựng TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Đã gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau như UBCKNN, SGDCK Hà Nội, SGDCK Tp.HCM, TTLKCKVN, UBGSTCQG, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...
- Đã giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.

Năm 2022, DSC đã đóng góp tích cực vào các chương trình từ thiện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài Công ty.

CỔ ĐÔNG

Liên quan đến trách nhiệm với Cổ đông, Công ty đã thực hiện tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường để trao đổi, lắng nghe ý kiến của cổ đông nhằm có chính sách phát triển công ty hài hòa với lợi ích của cổ đông. Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo việc công bố thông tin nhanh chóng, kịp thời để nhà đầu tư cũng như cổ đông của Công ty nắm được tình hình hoạt động.

7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Thành phố Hà Nội - Tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch	
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 20/4/2022)
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 20/4/2022)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 16/02/2022)
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 16/02/2022)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo Giấy ủy quyền số 03/2022/UQ-CTHĐQT/DSC ngày 16/02/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *g*

Bach Quốc Vinh
Bach Quốc Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số: 04/2023/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực

tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.3.3 "Các Khoản cho vay", một số nhà đầu tư đang sử dụng các tài sản hợp pháp khác đã được thẩm định giá lại để đảm bảo cho việc thanh toán khoản cho vay ký quỹ. Theo đó, phương thức thu hồi khoản cho vay ký quỹ sẽ là số tiền thu được từ việc nhà đầu tư bán các tài sản hợp pháp này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Hoàng Thị Vinh
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2018-026-1

Hoàng Anh Tú
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4413-2020-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.371.155.280.075	1.799.961.268.398
I. Tài sản tài chính	110		2.369.451.395.012	1.799.159.906.262
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	567.913.958	6.894.448.611
1.1. Tiền	111.1		567.913.958	6.894.448.611
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	112	4.3.1	1.124.426.534.114	279.836.709.150
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.3.2	213.000.000.000	1.150.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	4.3.3	997.678.312.283	341.830.395.544
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	4.4	(4.761.532.956)	(4.392.413.646)
6. Các tài sản tài chính khác	117	4.5	34.615.085.030	23.882.596.671
6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		34.615.085.030	23.882.596.671
6.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		7.631.814.049	2.304.024.662
6.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		26.983.270.981	21.578.572.009
7. Trả trước cho người bán	118	4.5	3.534.975.348	857.819.932
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4.5	387.487.606	250.000.000
9. Các khoản phải thu khác	122	4.5	245.279.721	243.010.092
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	4.5	(242.660.092)	(242.660.092)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.703.885.063	801.362.136
1. Tạm ứng	131	4.5	105.093.900	65.752.010
2. Hàng tồn kho	132		11.220.000	131.155.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.6	1.513.798.611	535.895.126
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		61.871.552	67.000.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		11.901.000	-
6. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	1.560.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.178.723.399	9.324.206.911
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.769.527.285	526.272.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	10.083.024.083	467.703.583
Nguyên giá	222		12.366.704.770	2.752.893.387
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(2.283.680.687)	(2.285.189.804)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	7.686.503.202	58.569.239
Nguyên giá	228		10.218.656.480	2.010.317.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.532.153.278)	(1.951.748.561)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		159.550.106	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		159.550.106	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V. Tài sản dài hạn khác	250		20.249.646.008	8.797.934.089
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		3.203.154.540	444.420.900
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.6	12.005.520.350	3.676.892.087
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	4.9	5.040.971.118	4.676.621.102
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.409.334.003.474	1.809.285.475.309

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.343.845.964.151	777.244.669.799
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.343.845.964.151	773.885.098.093
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	4.15	1.311.094.091.490	761.835.200.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		1.311.094.091.490	761.835.200.000
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	4.10	1.103.567.783	401.834.800
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.11	3.397.676.880	628.209.824
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		50.000.000	-
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	4.14	9.968.045.939	3.301.475.271
6. Phải trả người lao động	323		5.423.266.193	2.015.830.052
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		177.917.480	153.347.180
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	4.12	10.115.596.886	3.455.602.742
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	4.13	2.504.385.450	2.082.182.174
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		11.416.050	11.416.050
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	3.359.571.706
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	6.5	-	3.359.571.706
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.065.488.039.323	1.032.040.805.510
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	1.065.488.039.323	1.032.040.805.510
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.500.000.000	1.000.500.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		64.711.525.559	31.264.291.746
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.409.334.003.474	1.809.285.475.309

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		100.000.000	100.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (VND)	008	5.1	901.100.000	22.797.730.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	012	5.2	11.940.000	11.940.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	021		3.697.077.305.000	420.170.410.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.416.370.205.000	395.378.770.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		195.186.000.000	2.846.000.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		583.640.000	493.640.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		84.937.460.000	21.452.000.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	022		926.430.000	938.880.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		926.430.000	938.880.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)	023	5.3	67.708.240.000	10.607.030.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư (VND)	025	5.4	2.995.180.000	7.360.710.000
5. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026	5.5	214.943.386.614	80.156.162.079
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		213.327.402.277	79.597.830.524
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		1.615.984.337	558.331.555
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		1.611.584.273	553.808.352
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		4.400.064	4.523.203
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		214.913.066.329	80.065.614.579

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		214.908.596.427	80.061.327.991
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		4.469.902	4.286.588
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	5.6	30.320.285	90.547.500



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập
Ngày 24 tháng 3 năm 2023



Trần Minh Toàn
Kế toán trưởng



Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		45.353.775.383	20.591.576.023
- Lãi bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.1		14.344.063.725	1.020.396.360
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.2		11.904.905.650	19.153.928.240
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.3	6.1	19.104.806.008	417.251.423
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.1	46.937.293.150	21.487.012.058
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.1	47.639.586.301	6.176.772.120
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	6.1	-	67.388
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		25.931.006.298	7.073.012.943
1.6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		100.000.000	-
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		796.189.240	223.795.231
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		100.000.000	200.000.000
1.9. Doanh thu hoạt động khác	11		1.960.000	-
Cộng doanh thu hoạt động	20		166.859.810.372	55.752.235.763
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		11.770.617.037	2.796.725.900
- Lỗ bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.1		336.918.487	2.780.528.513
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.2		11.427.698.550	54.500
- Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ			6.000.000	16.142.887
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.149.940.080	(2.440.559.901)
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		33.750.993	1.348.541
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	6.2	31.621.178.471	7.098.743.777
2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	6.2	5.439.407.542	-
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	6.2	-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	6.2	668.200.001	145.172.393
2.8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	6.2	-	314.255.863
Cộng chi phí hoạt động	40		50.683.094.124	7.915.686.573

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		644.181.539	390.131.655
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		644.181.539	390.131.655
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		42.153.568.937	5.018.590.495
Cộng chi phí tài chính	60		42.153.568.937	5.018.590.495
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	6.3	32.110.353.874	12.027.443.071
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		42.556.974.976	31.180.647.279
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		27.269.458	403
8.2. Chi phí khác	72		188.344.387	6.636.364
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(161.074.929)	(6.635.961)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		42.395.900.047	31.174.011.318
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		8.948.666.234	6.321.685.558
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	6.4	12.308.237.940	2.962.113.852
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	6.5	(3.359.571.706)	3.359.571.706
XI. LÃI KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		33.447.233.813	24.852.325.760
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. LÃI THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		33.447.233.813	24.852.325.760
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	4.16.4	334	598
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	4.16.4	334	598

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập
Ngày 24 tháng 3 năm 2023



Trần Minh Toàn
Kế toán trưởng



Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	6.4	42.395.900.047	31.174.011.318
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		17.818.117.488	14.904.989
- Khấu hao tài sản cố định	03		1.207.130.217	149.863.828
- Các khoản dự phòng	04		369.119.310	(2.684.359.972)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(657.181.539)	(383.495.291)
- Chi phí lãi vay	06		42.934.389.707	5.236.921.086
- Dự thu tiền lãi	08		(26.035.340.207)	(2.304.024.662)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		11.427.698.550	54.500
- Lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		11.427.698.550	54.500
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(11.904.905.650)	(19.153.928.240)
- (Lãi) đánh giá giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(11.904.905.650)	(19.153.928.240)
5. (Lỗ) từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	30		(597.401.242.952)	(1.763.680.836.804)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL			(844.112.617.864)	(259.654.803.182)
- Giảm/(tăng) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		937.000.000.000	(1.150.000.000.000)
- (Tăng) các khoản cho vay	33		(655.847.916.739)	(333.089.095.450)
- Giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	3.496.401.302
- Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		15.302.851.848	(21.566.637.420)
- (Tăng) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(87.487.606)	(250.000.000)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		(2.269.629)	8.898.193
- Giảm/(tăng) các tài sản khác	40		70.252.110	(198.467.010)
- (Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(988.153.989)	414.301.615
- (Tăng) chi phí trả trước	42		(9.306.531.748)	(4.168.132.777)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43		(7.581.018.583)	(313.597.320)
- Lãi vay đã trả	44		(35.286.241.574)	(2.896.061.079)
- Tăng phải trả cho người bán	45		762.285.002	750.358.293
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		24.570.300	35.220.000
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		1.939.351.311	472.758.264
- Tăng phải trả người lao động	48		3.407.436.141	1.646.415.645
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50		422.203.276	2.079.182.174

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		67.000.000	123.641.248
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(3.184.955.208)	(571.219.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(537.664.432.517)	(1.751.645.794.237)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	61		(18.578.175.165)	(389.612.256)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	62		13.000.000	14.666.363.636
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		644.181.539	130.702.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(17.920.993.626)	14.407.453.594
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	71		-	940.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	73	4.15	5.008.908.952.861	1.523.443.513.656
2.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
2.2. Tiền vay khác	73.2		5.008.908.952.861	1.523.443.513.656
3. Tiền trả nợ gốc vay	74	4.15	(4.459.650.061.371)	(761.608.313.656)
3.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
3.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
3.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(4.459.650.061.371)	(761.608.313.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		549.258.891.490	1.701.835.200.000
(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90		(6.326.534.653)	(35.403.140.643)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.1	6.894.448.611	42.297.589.254
Tiền	101.1		6.894.448.611	5.389.589.254
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	36.908.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.1	567.913.958	6.894.448.611
Tiền	103.1		567.913.958	6.894.448.611
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		8.283.253.523.810	1.721.335.522.700
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(10.681.890.061.540)	(2.448.565.970.569)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		2.533.947.237.304	748.898.984.536
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(523.475.039)	(223.795.231)
Tăng tiền thuần trong năm	20		134.787.224.535	21.444.741.436
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		80.156.162.079	58.711.420.643
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		80.156.162.079	58.711.420.643
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		79.597.830.524	58.612.321.272
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		558.331.555	99.099.371
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	5.5	214.943.386.614	80.156.162.079
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		214.943.386.614	80.156.162.079
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		213.327.402.277	79.597.830.524
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		1.615.984.337	558.331.555



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập
Ngày 24 tháng 3 năm 2023



Trần Minh Toàn
Kế toán trưởng



Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 01/01/2022	Năm trước		Năm nay		Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2022
		1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
A	B								
I. Biến động vốn chủ sở hữu	4.16	67.188.479.750	1.032.040.805.510	964.852.325.760	-	33.447.233.813	-	1.032.040.805.510	1.065.488.039.323
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.500.000.000	1.000.500.000.000	940.000.000.000	-	-	-	1.000.500.000.000	1.000.500.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.000.000.000	1.000.000.000.000	940.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		500.000.000	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối		6.411.965.986	31.264.291.746	24.852.325.760	-	33.447.233.813	-	31.264.291.746	64.711.525.559
Tổng cộng		67.188.479.750	1.032.040.805.510	964.852.325.760	-	33.447.233.813	-	1.032.040.805.510	1.065.488.039.323
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
 Người lập
 Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Trần Minh Toàn
 Kế toán trưởng



Bách Quốc Vinh
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 12/10/2021 theo Giấy phép điều chỉnh 90/GPĐC-UBCK bổ sung nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành.

Vốn điều lệ theo Giấy phép hoạt động là 1.000.000.000.000 VND. Số lượng cổ phiếu là 100.000.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 172 người (tại ngày 01/01/2022 là 76 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC - Phòng giao dịch Hàm Long	Tầng 1, Tầng 2, số 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	157 Đống Đa, phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6 Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL) (tiếp)**

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)**

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu hoặc;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng riêng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán hoặc các quyền tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- a) Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- b) Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng
Hậu

phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà
Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí đường truyền;
- Phí thuê bao dữ liệu.

3.11 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

3.12 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng
Hậu

phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà
Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Tài sản cố định vô hình và hao mòn (tiếp)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Cụ thể như sau:

Thời gian sử dụng ước tính

(năm)

Phần mềm máy vi tính

03-08

Bảng sáng chế và nhãn hiệu

Bảng sáng chế và nhãn hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian sử dụng ước tính

(năm)

Bảng sáng chế và nhãn hiệu

03-05

3.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: Các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

tiềm năng dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2021, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng
Hậu

phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà
Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;
- Hoạt động khác: Chịu thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSCTầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng
Hậu**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà
Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	567.913.958	6.894.448.611
Cộng	567.913.958	6.894.448.611

4.2 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2022		Năm 2021	
	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)
Của Công ty	2.204.734	87.082.177.530	2.616.072	66.124.269.000
Cổ phiếu	2.204.734	87.082.177.530	2.616.072	66.124.269.000
Của nhà đầu tư	965.415.150	19.109.344.509.110	209.813.995	4.277.863.951.600
Cổ phiếu	965.415.150	19.109.344.509.110	209.813.995	4.277.863.951.600
Cộng	967.619.884	19.196.426.686.640	212.430.067	4.343.988.220.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	3.120.968.103	751.613.180	58.864.440.619	75.672.709.150
<i>EIB</i>	-	-	55.740.371.360	74.291.650.000
<i>VAB</i>	2.897.790.000	676.737.700	2.897.790.000	1.263.596.800
<i>IFS</i>	222.695.462	74.800.000	222.295.462	112.200.000
<i>Cổ phiếu khác</i>	482.641	75.480	3.983.797	5.262.350
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.010.000	-	10.010.000	-
<i>CTCP Xây dựng Công trình</i>	10.010.000	-	10.010.000	-
<i>Giao thông Đà Nẵng</i>				
Trái phiếu chưa niêm yết (i)	200.005.920.934	200.005.920.934	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	923.669.000.000	923.669.000.000	204.164.000.000	204.164.000.000
Cộng	1.126.805.899.037	1.124.426.534.114	263.038.450.619	279.836.709.150

(i) Trái phiếu chưa niêm yết do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành.

4.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm	213.000.000.000	213.000.000.000	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000
Cộng	213.000.000.000	213.000.000.000	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)****4.3.3 Các khoản cho vay**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	929.267.628.656	924.506.095.700	303.932.910.247	299.540.496.601
Ông Cán Lương Minh (i)	1.518.200.000	24.938.759	1.518.200.000	134.962.694
Ông Nguyễn Quang Lĩnh (i)	1.220.900.000	22.921.828	1.220.900.000	124.047.538
Ông Tạ Ngọc Anh (i)	1.400.900.000	23.942.157	1.400.900.000	129.569.322
Ông Nguyễn Trung Toàn (i)	705.200.000	11.864.300	705.200.000	64.206.800
Nhà đầu tư khác (ii)	924.422.428.656	924.422.428.656	299.087.710.247	299.087.710.247
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	68.410.683.627	68.410.683.627	37.897.485.297	37.897.485.297
Cộng	997.678.312.283	992.916.779.327	341.830.395.544	337.437.981.898

(i) Là những đối tượng vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2016. Chứng khoán của các nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ đang được Công ty giữ như là tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư. Giá trị tài sản đảm bảo này tại ngày 31/12/2022 không đủ bù đắp số tiền đã cho vay. Công ty đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng không nhận được sự hồi âm và Công ty cũng đã tiến hành các thủ tục pháp lý để nhờ sự can thiệp của các cấp có thẩm quyền đối với những đối tượng trên nhưng không thể thu hồi được các khoản nợ trên. Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản vay này bằng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2022 của các tài sản đảm bảo (cổ phiếu) và nhận định rằng khó có khả năng thu hồi các khoản công nợ trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)****4.3.3 Các khoản cho vay (tiếp)**

(ii) Tại ngày 31/12/2022, phần lớn các khoản cho vay đang được đảm bảo bằng tiền và chứng khoán của chính các nhà đầu tư. Ngoài ra, một số nhà đầu tư đang sử dụng các tài sản hợp pháp khác liên quan đến các tài sản thuộc Dự án tổ hợp Khu du lịch Thung lũng Đại Dương đã được thẩm định giá lại để đảm bảo cho việc thanh toán khoản cho vay ký quỹ, thay vì dùng tiền và các chứng khoán của mình để đảm bảo. Theo đó, phương thức thu hồi khoản cho vay ký quỹ sẽ là số tiền thu được từ việc nhà đầu tư bán các tài sản hợp pháp này. Chi tiết các quyền tài sản sử dụng để đảm bảo thanh toán như sau:

Khách hàng	Số dư cho vay	Tài sản dùng để đảm bảo (*)
	tại ngày 31/12/2022 (VND)	(VND)
Lê Thị Hồng	8.617.726.741	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-4.32
Nguyễn Vĩnh Huy	8.617.726.741	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.2-4.16
Nguyễn Khánh	14.217.912.441	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-3.07 và NWP.5.1-3.08
Tổng cộng	31.453.365.923	Tổng giá trị các quyền tài sản là 33.063.280.000 VND

(*) Giá trị các quyền tài sản được xác định dựa trên Chứng thư thẩm định giá số 050123/CT/DIAMONDRV ngày 05/01/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá và Bất động sản Kim Cương.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSCTầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng
Hậuphường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà
Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)****4.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(4.761.532.956)	(4.392.413.646)
Cộng	(4.761.532.956)	(4.392.413.646)

4.5 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	34.615.085.030	23.882.596.671
<i>Trong đó: Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>26.983.270.981</i>	<i>21.578.572.009</i>
2. Trả trước cho người bán	3.534.975.348	857.819.932
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Landco</i>	<i>2.120.626.184</i>	<i>-</i>
<i>Công ty khác</i>	<i>1.414.349.164</i>	<i>857.819.932</i>
3. Các khoản phải thu khác	245.279.721	243.010.092
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (i)	(242.660.092)	(242.660.092)
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	387.487.606	250.000.000
6. Tạm ứng	105.093.900	65.752.010
Cộng	38.645.261.513	25.056.518.613

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.5 Các khoản phải thu (tiếp)**

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2022 VND	Số dự phòng tại ngày 01/01/2022 VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng tại ngày 31/12/2022 VND	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 VND
Các khoản phải thu khác						
Bà Võ Thị Xuân Trang	23.322.825	23.322.825	-	-	23.322.825	23.322.825
Bà Nguyễn Thị Thủy	219.337.267	219.337.267	-	-	219.337.267	219.337.267
Cộng	242.660.092	242.660.092	-	-	242.660.092	242.660.092

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.6 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Chi phí đường truyền, thành viên	-	159.112.116
Phí thuê bao dữ liệu Fiinpro	-	47.025.000
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	126.693.504	61.389.900
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.387.105.107	268.368.110
Cộng	1.513.798.611	535.895.126
Dài hạn		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	12.005.520.350	3.676.892.087
Cộng	12.005.520.350	3.676.892.087

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2022	2.576.461.131	176.432.256	2.752.893.387
Mua sắm	10.242.046.000	-	10.242.046.000
Thanh lý, nhượng bán	(628.234.617)	-	(628.234.617)
Tại ngày 31/12/2022	12.190.272.514	176.432.256	12.366.704.770
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2022	2.284.004.103	1.185.701	2.285.189.804
Khấu hao	597.320.124	29.405.376	626.725.500
Thanh lý, nhượng bán	(628.234.617)	-	(628.234.617)
Tại ngày 31/12/2022	2.253.089.610	30.591.077	2.283.680.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2022	292.457.028	175.246.555	467.703.583
Tại ngày 31/12/2022	9.937.182.904	145.841.179	10.083.024.083

Tại ngày 31/12/2022, nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.401.584.613 VND (tại ngày 01/01/2022 là 2.029.819.231 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	-	-	2.010.317.800	2.010.317.800
Mua sắm	88.000.000	132.000.000	7.988.338.680	8.208.338.680
Tại ngày 31/12/2022	88.000.000	132.000.000	9.998.656.480	10.218.656.480
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	-	-	1.951.748.561	1.951.748.561
Khấu hao	25.055.551	22.550.000	532.799.166	580.404.717
Tại ngày 31/12/2022	25.055.551	22.550.000	2.484.547.727	2.532.153.278
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	-	-	58.569.239	58.569.239
Tại ngày 31/12/2022	62.944.449	109.450.000	7.514.108.753	7.686.503.202

Tại ngày 31/12/2022, nguyên giá các TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.808.499.800 VND (tại ngày 01/01/2022 là 1.808.499.800 VND).

4.9 Tiền nộp vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 15 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	4.676.621.102	4.540.832.909
Tiền nộp/(hoàn)	157.583.088	(123.641.248)
Tiền lãi phân bổ	206.766.928	259.429.441
Cộng	5.040.971.118	4.676.621.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.10 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Sở Giao dịch chứng khoán	981.878.523	216.962.358
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	121.689.260	184.872.442
Cộng	1.103.567.783	401.834.800

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu	668.149.300	261.553.600
Công ty TNHH Xây dựng Lâm Phạm	-	111.793.692
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Tài chính	2.287.800.000	-
Các công ty khác	441.727.580	254.862.532
Cộng	3.397.676.880	628.209.824

4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay phải trả	9.989.008.140	2.340.860.007
Chi phí phần mềm giao dịch trích trước tạm tính	-	903.361.932
Trích trước chi phí thuê xe	-	40.000.000
Chi phí phải trả khác	126.588.746	171.380.803
Cộng	10.115.596.886	3.455.602.742

4.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	717.860.000	1.973.205.075
Cộng tác viên phát triển khách hàng	1.782.787.950	103.325.292
Đối tượng khác	3.737.500	5.651.807
Cộng	2.504.385.450	2.082.182.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.14 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2022		Trong năm		Tại ngày 31/12/2022	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	-		32.346.783	20.445.783	11.901.000	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	22.202.783	22.202.783	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.723.522.238	7.581.018.583	12.308.237.940	-	7.450.741.595
Thuế thu nhập cá nhân	-	165.623.346	3.543.891.565	3.988.963.083	-	610.694.864
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ Nhà đầu tư	-	412.329.687	8.612.047.542	10.106.327.335	-	1.906.609.480
Các loại thuế khác	-	-	4.500.000	4.500.000	-	-
Cộng	-	3.301.475.271	19.763.660.473	26.430.231.141	-	9.968.045.939

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	711.835.200.000	2.523.214.285.612	2.773.955.394.122	461.094.091.490
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	50.000.000.000	663.056.079.554	663.056.079.554	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (iii)	-	1.322.638.587.695	1.022.638.587.695	300.000.000.000
Ông Lê Quang Hải (iv)	-	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Cộng	761.835.200.000	5.008.908.952.861	4.459.650.061.371	1.311.094.091.490

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Số hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1412941/HĐTD ngày 16/6/2022	Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các Hợp đồng cầm cố được giao kết.
(ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT128-DSC ngày 12/11/2021	Tối đa 12 tháng trên 01 giấy nhận nợ	Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	- Đầu tư kinh doanh trái phiếu Chính phủ, chứng chỉ tiền gửi - Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, trừ đầu tư kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp và cổ phiếu của Tổ chức tín dụng	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi theo các Hợp đồng cầm cố được giao kết.
(iii) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21/TAH/2748839/HĐCVHM/01 ngày 28/10/2021, sửa đổi, bổ sung ngày 31/12/2021	Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các Hợp đồng cầm cố được giao kết.
(iv) Hợp đồng vay cá nhân số 2010/2022/HĐVV ngày 20/10/2022	Đến 31/01//2023	6,7%/năm	Phục vụ nhu cầu kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật	Không có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.16 Vốn chủ sở hữu

4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2021	60.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	6.411.965.986	67.188.479.750
Góp vốn	940.000.000.000	-	-	-	-	940.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	24.852.325.760	24.852.325.760
Tại ngày 31/12/2021	1.000.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	31.264.291.746	1.032.040.805.510
Tại ngày 01/01/2022	1.000.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	31.264.291.746	1.032.040.805.510
Lãi trong năm	-	-	-	-	33.447.233.813	33.447.233.813
Tại ngày 31/12/2022	1.000.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	64.711.525.559	1.065.488.039.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**4.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư NTP	700.000.000.000	70,00	700.000.000.000	70,00
Bà Văn Lê Hằng	100.250.000.000	10,02	100.250.000.000	10,02
Các cổ đông khác	199.750.000.000	19,98	199.750.000.000	19,98
Cộng	1.000.000.000.000	100	1.000.000.000.000	100

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.16.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi kế toán sau thuế TNDN (VND)	33.447.233.813	24.852.325.760
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	100.000.000	41.539.726
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	334	598

Ghi chú: Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****5.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	901.100.000	22.797.730.000
Cộng	901.100.000	22.797.730.000

5.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cổ phiếu	11.940.000	11.940.000
Cộng	11.940.000	11.940.000

5.3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cổ phiếu và chứng quyền	67.708.240.000	10.607.030.000
Cộng	67.708.240.000	10.607.030.000

5.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cổ phiếu	2.995.180.000	7.360.710.000
Cộng	2.995.180.000	7.360.710.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.5 Tiền gửi của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	213.327.402.277	79.597.830.524
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	213.327.332.439	79.592.589.242
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	69.838	5.241.282
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.615.984.337	558.331.555
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	1.611.584.273	553.808.352
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	4.400.064	4.523.203
Cộng	214.943.386.614	80.156.162.079

5.6 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	30.320.285	90.547.500
Cộng	30.320.285	90.547.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**6.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính, cho vay và phải thu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	19.104.806.008	417.251.423
Từ tài sản tài chính HTM	46.937.293.150	21.487.012.058
Từ các khoản cho vay và phải thu	47.639.586.301	6.176.772.120
Từ tài sản tài chính AFS	-	67.388
Cộng	113.681.685.459	28.081.102.989

6.2 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán, chi phí lương, chi phí khác)	31.621.178.471	7.098.743.777
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	668.200.001	145.172.393
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	5.439.407.542	-
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	314.255.863
Cộng	37.728.786.014	7.558.172.033

6.3 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.794.242.983	7.747.724.196
Chi phí vật liệu văn phòng	464.306.170	99.176.404
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.372.887.680	96.020.936
Chi phí khấu hao tài sản TSCĐ	247.785.327	108.026.230
Thuế và các khoản lệ phí	10.500.000	89.060.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	709.055.484	168.617.587
Chi phí khác bằng tiền	9.511.576.230	3.718.817.428
Cộng	32.110.353.874	12.027.443.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**6.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi kế toán trước thuế	42.395.900.047	31.174.011.318
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	19.145.289.651	(16.790.926.059)
Chi phí không được trừ	2.348.340.420	7.016.260
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(909.300)	(83.788)
Hoàn nhập chênh lệch/(Chênh lệch) từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	16.797.858.531	(16.797.858.531)
Lãi sau điều chỉnh	61.541.189.698	14.383.085.259
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	61.541.189.698	14.383.085.259
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	12.308.237.940	2.876.617.052
Chi phí thuế TNDN từ nghiệp vụ bán tài sản tài chính hệ VEQ	-	85.496.800
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	12.308.237.940	2.962.113.852
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.723.522.238	75.005.706
Thuế TNDN đã trả trong năm	(7.581.018.583)	(313.597.320)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	7.450.741.595	2.723.522.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

6.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	3.359.571.706		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế - Chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại TSTC FVTPL	-	3.359.571.706	(3.359.571.706)	3.359.571.706
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(3.359.571.706)	3.359.571.706

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư NTP Bà Văn Lê Hằng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Công ty mẹ Cổ đông lớn, sở hữu trên 10% vốn

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	1.826.000.003	-
Thu nhập của Ban Kiểm soát	80.000.000	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.516.555.192	2.029.029.509
Cộng	4.422.555.195	2.029.029.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**7.2 Thông tin báo cáo bộ phận****Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
Năm 2022					
1. Doanh thu	45.353.775.383	25.931.006.298	796.189.240	94.778.839.451	166.859.810.372
2. Các chi phí trực tiếp	11.804.368.030	31.621.178.471	668.200.001	6.589.347.622	50.683.094.124
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	74.452.267.198
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	671.450.997
Lợi nhuận trước thuế	33.549.407.353	(5.690.172.173)	127.989.239	88.189.491.829	42.395.900.047
Số dư tại ngày 31/12/2022					
1. Tài sản bộ phận	1.124.426.534.114	5.040.971.118	-	1.244.456.946.940	2.373.924.452.172
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	35.409.551.302
Tổng tài sản	1.124.426.534.114	5.040.971.118	-	1.244.456.946.940	2.409.334.003.474
Nợ phải trả tại ngày 31/12/2022					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	1.906.609.480	-	-	1.906.609.480
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.341.939.354.671
Tổng nợ phải trả	-	1.906.609.480	-	-	1.343.845.964.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**7.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp)****Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)**

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
Năm 2021					
1. Doanh thu	20.591.576.023	7.073.012.943	223.795.231	27.863.851.566	55.752.235.763
2. Các chi phí trực tiếp	2.798.074.441	7.098.743.777	145.172.393	(2.126.304.038)	7.915.686.573
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	17.052.669.930
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	390.132.058
Lợi nhuận trước thuế	17.793.501.582	(25.730.834)	78.622.838	29.990.155.604	31.174.011.318
Số dư tại ngày 01/01/2022					
1. Tài sản bộ phận	279.836.709.150	4.676.621.102	-	1.512.428.748.501	1.796.942.078.753
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	12.343.396.556
Tổng tài sản	279.836.709.150	4.676.621.102	-	1.512.428.748.501	1.809.285.475.309
Nợ phải trả tại ngày 01/01/2022					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	412.329.687	-	-	412.329.687
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	776.832.340.112
Tổng nợ phải trả	-	412.329.687	-	-	777.244.669.799

(i) Hoạt động khác bao gồm hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động đầu tư vào tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho vay và hoạt động tư vấn tài chính.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã thông qua phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND đồng lên 2.000 tỷ VND đồng trong năm 2023, cụ thể:

- Tháng 11/2022, Hội đồng Quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND theo Tờ trình số 12/2022/Ttr-ĐHĐCĐ/DSC ngày 17/11/2022 và phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Tờ trình số 13/2022/Ttr-ĐHĐCĐ/DSC ngày 17/11/2022;
- Đại Hội Đồng cổ đông thông qua phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND trong năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 12/12/2022;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/2022/NQ-HĐQT/DSC ngày 12/12/2022 thông qua phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND trong năm 2023;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 12/01/2023 thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý với Ủy ban Chứng khoán và các cơ quan khác theo quy định để thực hiện phát hành quyền mua cổ phần để tăng vốn điều lệ, thời gian dự kiến hoàn thành là trong quý I/2023.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

8. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Hội sở

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
(024) 3880 3456 info@dsc.com.vn

PGD Hàm Long

14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
(024) 3880 3456

Chi nhánh Hồ Chí Minh

14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
(024) 3880 3456

Chi nhánh Đà Nẵng

157 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
(023) 6388 8588